BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Phương Linh
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Phương Linh
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Phương Linh Mã SV: 1312401085

Lớp: QT1702K Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.
- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng.
- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
   Sử dụng số liệu năm 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
   Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*
Phạm Phương Linh	ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. **Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. **Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):**

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. **Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Bằng số: …….

Bằng chữ:……

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

MỤC LỤC **1**
LỜI MỞ ĐẦU **1**
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP **2**
1.1.Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. 2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp: 2
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền: 2
1.1.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền. 3
1.1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền: 3
1.1.3.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền: 4
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp: 5
1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ: 5
1.2.1.1. Quy định về kế toán tiền mặt tại quỹ: 5
1.2.1.2. Chứng từ sử dụng: 5
1.2.1.3. Tài khoản sử dụng: 6
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán: 7
1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng. 9
1.2.2.1. Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng: 9
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng: 10
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng: 10
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán: 10
1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển. 13
1.2.3.1. Nội dung kế toán tiền đang chuyển: 13
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng: 13
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng: 13
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán: 14
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. 16
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHHTHUỐC LÁ HẢI PHÒNG **23**
2.1. Khái quát chung về công ty. 23
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng 23

2.1.2.Đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh: 24
2.1.3.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty: 24
2.1.4.Tổ chức công tác kế toán tại Công ty:..... 26
2.1.4.1.Tổ chức bộ máy kế toán:..... 26
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty: 27
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty:..... 28
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty: 28
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính tại Công ty: 29
2.2.Thực trạng công tác kế toán tại Công ty Thuốc lá Hải Phòng:..... 30
2.2.1.Kế toán tiền mặt tại quỹ: 30
2.2.1.1.Chứng từ và tài khoản sử dụng: 30
2.2.1.2.Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty: 30
2.2.1.3.Một số ví dụ minh họa: 30
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng 45
2.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng: 45
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:..... 45
2.2.2.3. Quy trình hạch toán tiền gửi Ngân hàng 45
2.2.2.4. Một số ví dụ minh họa: 46
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG 58
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng:..... 58
3.1.1. Ưu điểm về công tác vốn bằng tiền tại Công ty:..... 58
3.1.2. Hạn chế trong công tác kế toán vốn bằng tiền:..... 60
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng. 61
3.2.1. Định hướng phát triển Công ty trong thời gian tới: 61
3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng..... 62
KẾT LUẬN 76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 77

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tiền mặt - VND 7
Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt - ngoại tệ..... 8
Sơ đồ 1.3: Kế toán đánh giá lại vàng tiền tệ 9
Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi ngân hàng (VND) 11
Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi ngân hàng - ngoại tệ:..... 12
Sơ đồ 1.6: Kế toán đánh giá lại vàng tiền tệ 13
Sơ đồ 1.7: Kế toán tiền đang chuyển 15
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ tại công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng..... 29

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT đầu ra 32
Biểu số 2.2: Phiếu thu 33
Biểu số 2.3: Giấy đề nghị tạm ứng:..... 34
Biểu số 2.4: Phiếu chi:..... 35
Biểu số 2.5: Phiếu thu 36
Biểu số 2.6: Sao kê chi tiết giao dịch 37
Biểu số 2.7: Phiếu chi:..... 38
Biểu số 2.8: Giấy báo có 39
Biểu số 2.9: Sổ quỹ tiền mặt 40
Biểu số 2.10: Nhật ký chứng từ số 1 41
Biểu số 2.11: Bảng kê số 1 42
Biểu số 2.12: Sổ cái..... 44
Biểu số 2.14: ủy nhiệm chi..... 48
Biểu số 2.15: Giấy báo Nợ 49
Biểu 2.15: Giấy báo nợ..... 50
Biểu số 2.17: Phiếu báo lãi..... 51
Biểu số 2.18: Nhật ký chứng từ số 2 52
Biểu số 2.19: Bảng kê số 2 52
Biểu số 2.20: Sổ cái 112..... 54
Biểu 2.21: Sổ tiền gửi ngân hàng 54
Biểu 2.22: Sổ tiền gửi ngân hàng 55
Biểu 2.23: Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 112..... 56
Biểu số 3.1: Bảng kiểm kê quỹ..... 74

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phứ tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng, nhờ sự hướng dẫn sự giúp đỡ của cô giáo Nguyễn Thị Mai Linh và các cô chú trong phòng kế toán tại Công Ty TNHH thuốc lá Hải Phòng, đã tạo điều kiện cho em có được những hiểu biết sâu hơn về nghiệp vụ kế toán thực tế, củng cố những kiến thức được học trong nhà trường, hình thành kỹ năng nghề nghiệp.Em xin chọn đề tài sau để đi sâu nghiên cứu và viết khóa luận: "**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng**"

Nội dung khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận, gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công Ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công Ty TNHH thuốc lá Hải Phòng.

Vì trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên bài viết của em sẽ không tránh khỏi những sai sót. Mong thầy cô và các bạn có những đóng góp để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là tài sản tồn tại trực tiếp dưới hình thức tiền tệ bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển. Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ phải trả, hay mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ, nguyên vật liệu… để sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn lưu động dùng để phản ánh khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Mặt khác, vốn bằng tiền là một loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì trong quá trình luân chuyển vốn bằng tiền rất dễ bị lợi dụng, tham ô, mất mát. Do vậy việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ theo các thủ tục, các nguyên tắc, chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

Hơn nữa vốn bằng tiền tham gia vào nhiều quá trình trong hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nên có biện pháp quản lý và sử dụng vốn đem lại hiệu quả cao nhất.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất, bao gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi tại các ngân hàng kho bạc Nhà nước và các khoản tiền đang chuyển. Với tính linh hoạt cao vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa để sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của kế toán mua bán, hạch toán thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và là một bộ phận của vốn lưu động.

❖ Đặc điểm:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là

đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân Hàng đã thỏa thuận theo hợp đồng thương mại, khi thu tiền bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

❖ Phân loại vốn bằng tiền:

Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ngoại tệ: là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), Bảng Anh (GBP), Phrăng Pháp (FFR), Yên Nhật (JPY), Đô la Hong Kong (HKD), Mác Đức (DM),...
- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.
- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang giữ tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.
- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.
- Kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên đối chiếu số liệu giữa thủ quỹ với số liệu trong sổ ghi chi tiết tiền mặt.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.1.3.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:

- **Nguyên tắc tiền tệ thống nhất:** hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá tiền là "đồng Việt Nam" để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng tiền ngoại tệ phải quy đổi ra "đồng Việt Nam" để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó.
- **Nguyên tắc cập nhật:** kế toán phải phản ánh kịp thời chính xác số tiền hiện có và tình hình thu chi toàn bộ các loại tiền, mở sổ theo dõi chi tiết từng loại ngoại tệ theo nguyên tệ và theo đồng Việt Nam quy đổi, từng loại vàng bạc, đá quý theo số lượng, giá trị, quy cách, độ tuổi, phẩm chất, kích thước,...
- **Nguyên tắc hạch toán ngoại tệ:** theo Thông tư số 200/2014/TT –BTC, các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam (VND), hoặc đơn vị tiền tệ chính sử dụng trong kế toán. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra VND phải căn cứ vào: tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán. Cụ thể, để xác định tỷ giá giao dịch thực tế cần dựa vào các nguyên tắc như:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
+ Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

o Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản, hoặc các khoản cho phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ:

1.2.1.1. Quy định về kế toán tiền mặt tại quỹ:

- Khi tiến hành nhập xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao người cho phép nhập xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập xuất quỹ đính kèm.
- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và và tính số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu mọi trách nhiệm quản lý nhập xuất quỹ tiền mặt.
- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng:

∗ Phiếu thu, phiếu chi

- Phiếu thu: Phiếu thu là chứng từ quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp nhằm xác định khoản tiền và ngoại tệ được nhập quỹ, làm căn cứ ghi sổ cho thủ quỹ và kế toán.
- Phiếu thu sau ghi đầy đủ các nội dung chuyển cho kế toán trưởng kiểm tra, ký và chuyển cho Giám đốc ký duyệt. Chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ.
- Sau khi nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực đã nhận bằng chữ, ký và ghi rõ họ tên.

- Phiếu chi: Phiếu chi là chứng từ không thể thiếu trong các nghiệp vụ có liên quan đến tiền mặt, như mua hàng hóa hoặc bán sản phẩm, phát sinh thường xuyên tại đơn vị.

- Phiếu chi được lập phải có đủ chữ ký (ký theo từng liên) của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc và thủ quỹ mới được xuất quỹ.
- Người nhận tiền ghi số tiền đã nhận bằng chữ.

* Ngoài ra còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm theo như: Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Hóa đơn GTGT, Biên lai thu tiền.

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản để sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK 111 "**Tiền mặt**". Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên nợ:

+ Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, tiền tệ nhập quỹ;
+ Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
+ Chênh lệch tỷ giá hối đối do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam);
+ Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Bên có:

+ Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ;
+ Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt quỹ phát hiện khi kiểm kê;
+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam);
+ Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt tại thời điểm báo cáo.

Tài khoản 111 – Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 111.1* – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- *Tài khoản 111.2* – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 111.3* – Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ tại quỹ của doanh nghiệp.

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ được thể hiện qua sơ đồ 1.1, 1.2 và 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tiền mặt - VNĐ

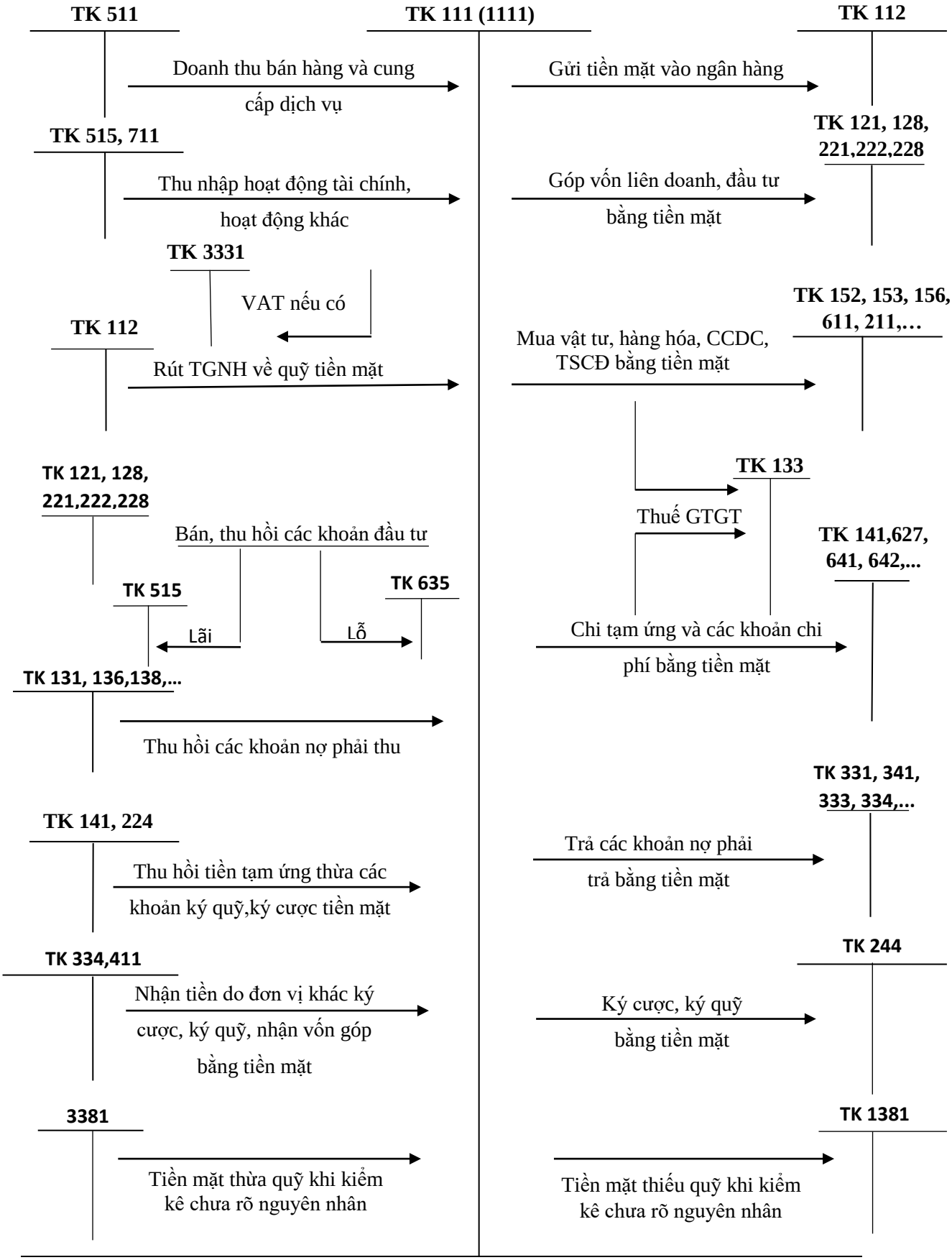

Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt - ngoại tệ

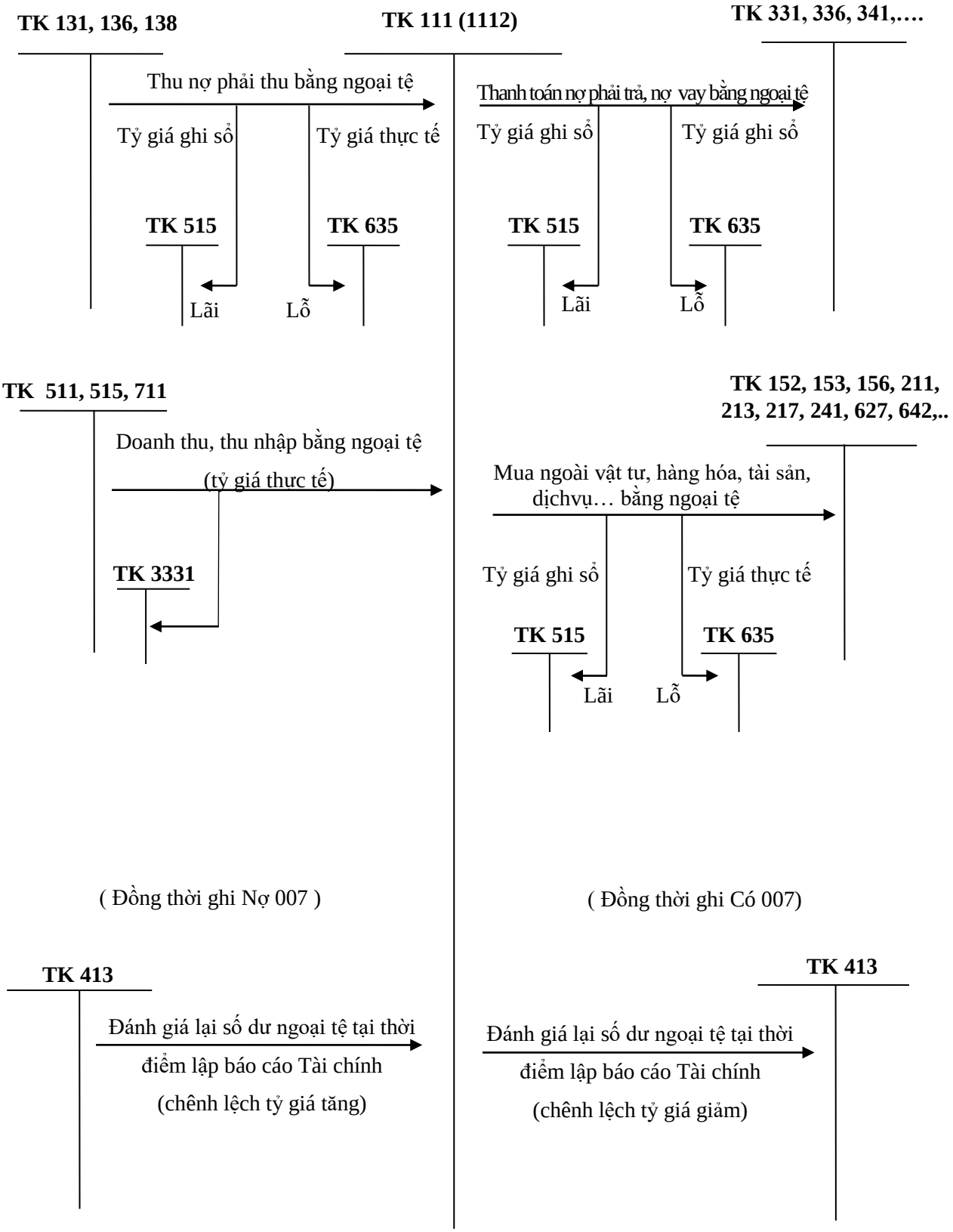

Sơ đồ 1.3: Kế toán đánh giá lại vàng tiền tệ

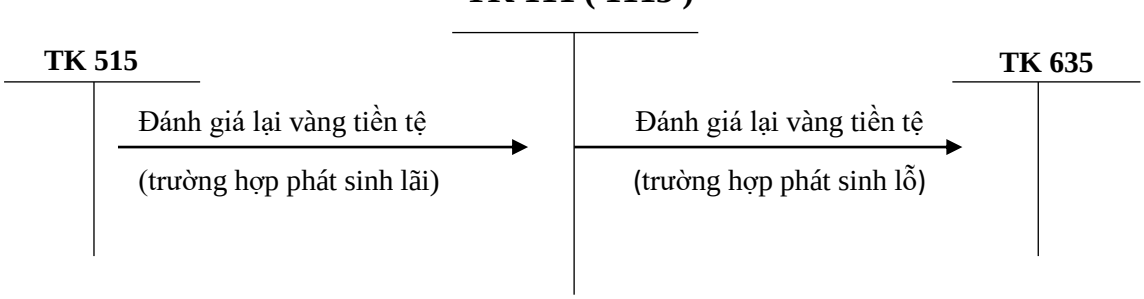

1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

1.2.2.1. Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.
- Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa các số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác minh rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ phải đối chiếu giữa chứng từ theo giấy báo có, báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng với số dư sổ chi tiết. Số chênh lệch được ghi vào các tài khoản chờ xử lý. Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.
- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản TGNH ở nhiều Ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.
- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, Séc định mức, Séc bảo chi, Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng:

Hạch toán tiền gửi Ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112 – TGNH. Kết cấu và nội dung của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các tài khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam);
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ rút ra từ Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam);
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 112.1 - Tiền Việt Nam*: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 112.2 - Ngoại tệ*: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 112.3 - Vàng tiền tệ*: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền gửi Ngân hàng được thể hiện qua sơ đồ 1.4, 1.5 và 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi ngân hàng (VNĐ)

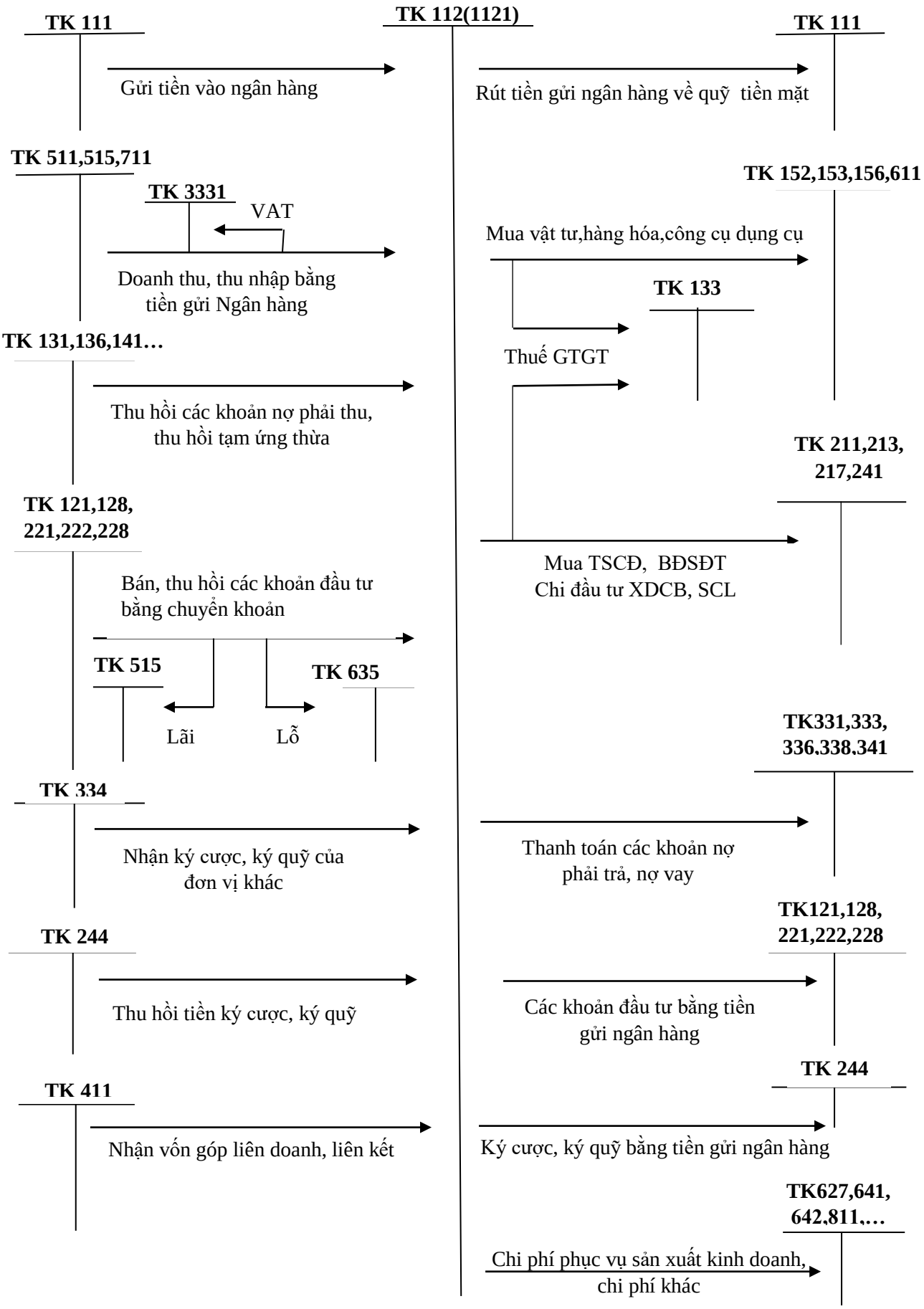

Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi ngân hàng - ngoại tệ:

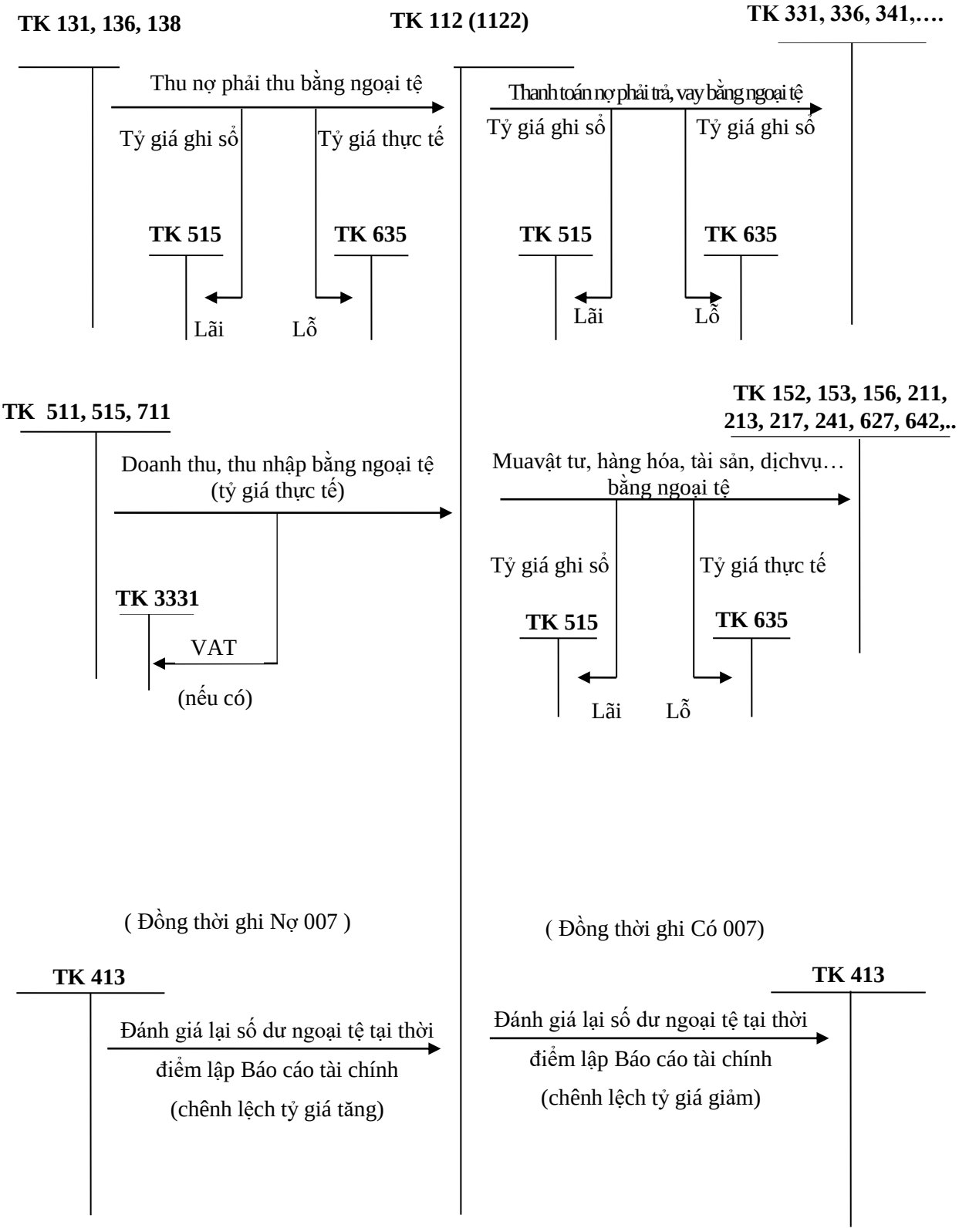

Sơ đồ 1.6: Kế toán đánh giá lại vàng tiền tệ

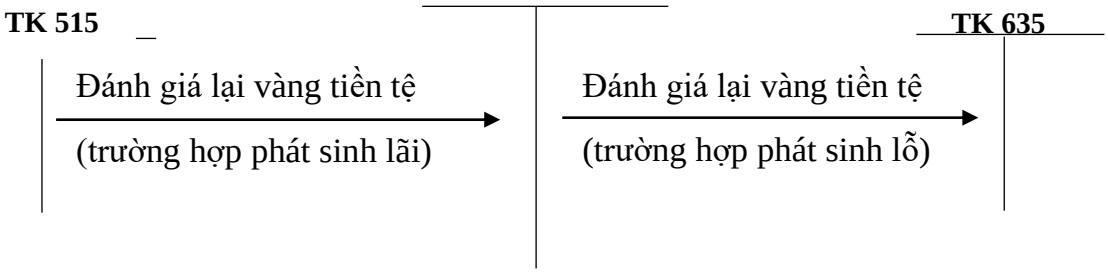

1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển.

1.2.3.1. Nội dung kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng kho bạc nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang ở trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền…

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113 – Tiền đang chuyển. Nội dung và kết cấu của tài khoản này:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

Số tiền kết chuyển vào tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- *Tài khoản 1132 - Ngoại tệ:* Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán:

∗ Phương pháp hạch toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán tiền đang chuyển

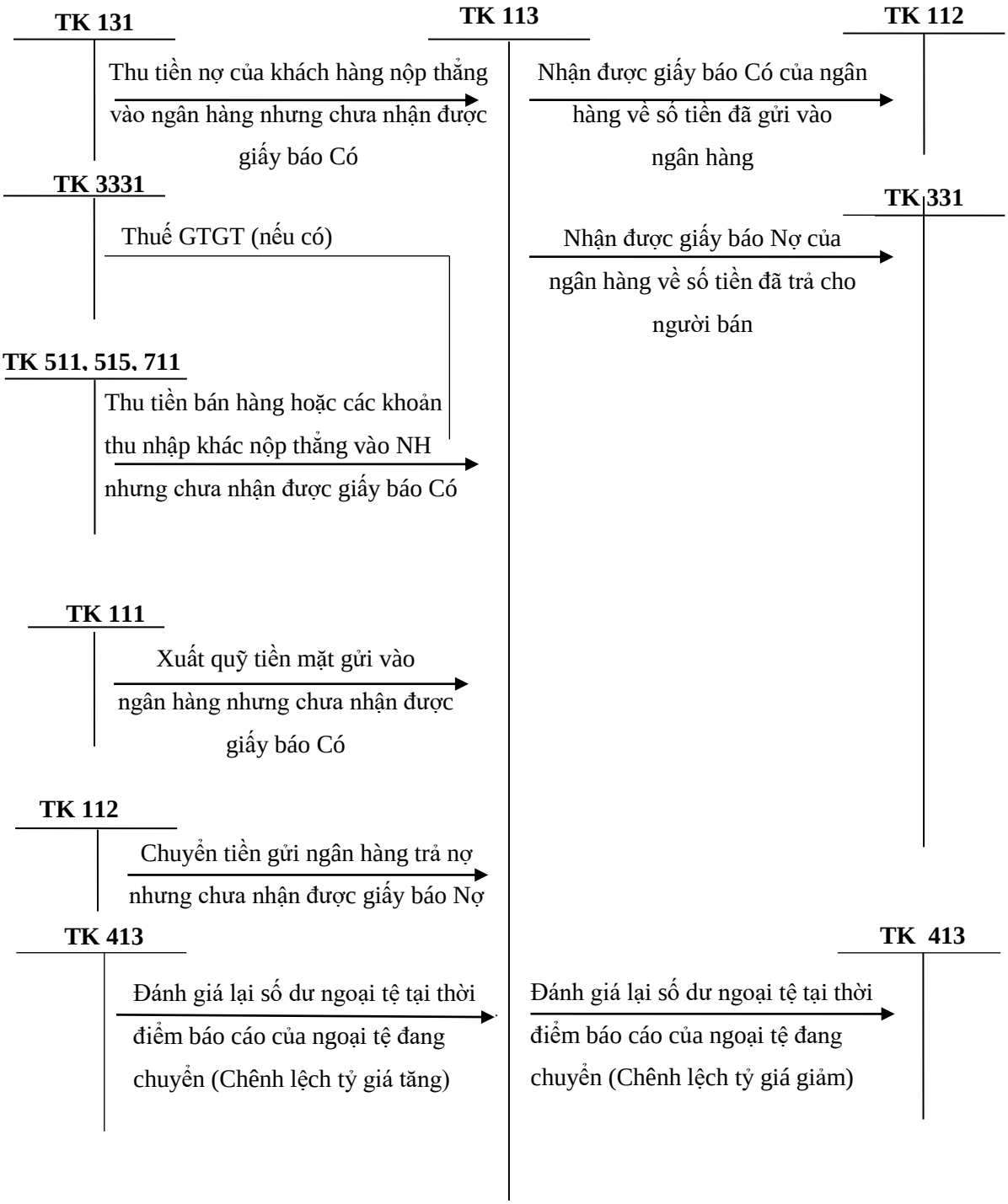

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Thực hiện việc ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

Đặc điểm của từng loại sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.

Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.

Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác cảu nhân viên kế toán.

Có 5 hình thức ghi sổ:

- Hình thức nhật ký sổ cái
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức nhật ký chứng từ
- Hình thức nhật ký chung
- Hình thức kế toán máy

Mỗi hình thức đều có ưu nhược điểm riêng và chỉ thực sự phát huy tác dụng trong những điều kiện thích hợp.

❖ <u>Hình thức nhật ký sổ cái:</u>

Nhật ký - Sổ cái là hình thức kế toán trực tiếp, đơn giản bởi đặc trưng về số lượng sổ, loại sổ, kết cấu sổ cũng như đạc trưng về trình tự hạch toán.

∗ Đặc diểm của hình thức Sổ Nhật ký - Sổ cái: Nhật ký - Sổ cái là sổ duy nhất để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vừa theo trình tự thời gian vừa theo hệ thống.

∗ Các loại sổ sách áp dụng:

+ Nhật ký - Sổ cái

+ Sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết

* Sơ đồ luân chuyển chứng từ:

Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký - Sổ cái:

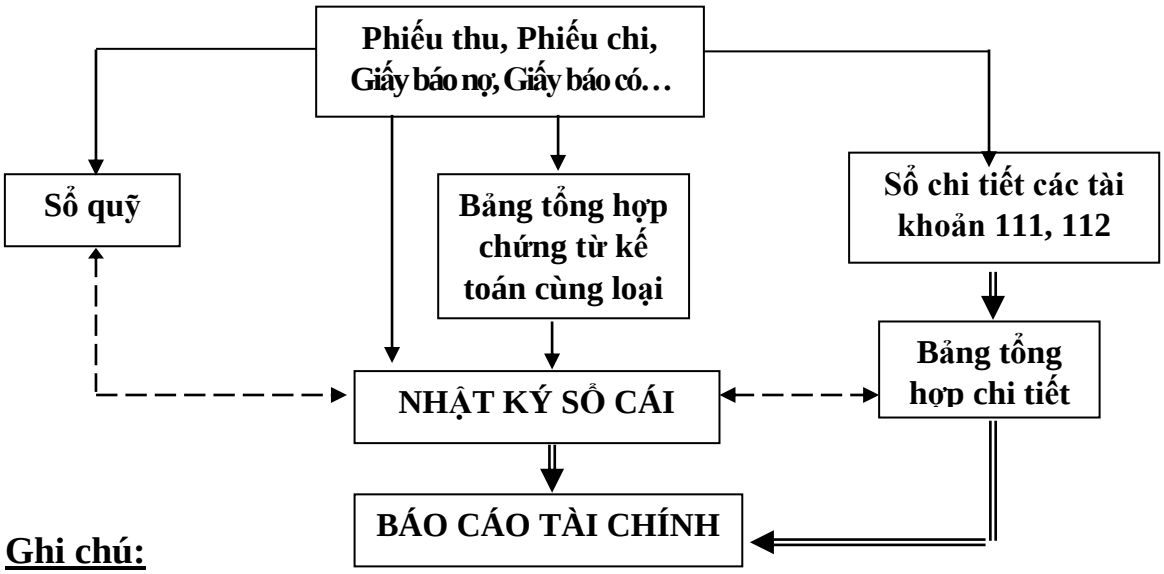

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Hình thức Chứng từ ghi sổ được hình thành sau 2 hình thức: Nhật ký chung và Nhật ký Sổ cái, thể hiện bước phát triển cao hơn trong lĩnh vực thiết kế hệ thống sổ kế toán đạt mục tiêu hợp lý hóa cao nhất trong hạch toán kế toán trên các mật.

* Trình tự ghi sổ của hình thức Sổ Chứng từ ghi sổ: Hằng ngày, căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, kế toán tiến hành ghi vào chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ sau đó ghi vào Sổ cái. Các chứng từkế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.
* Các loại sổ sách áp dụng:
  + Chứng từ ghi sổ
  + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
  + Sổ cái
  + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

* Sơ đồ luân chuyển chứng từ:

Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức chứng từ ghi sổ:

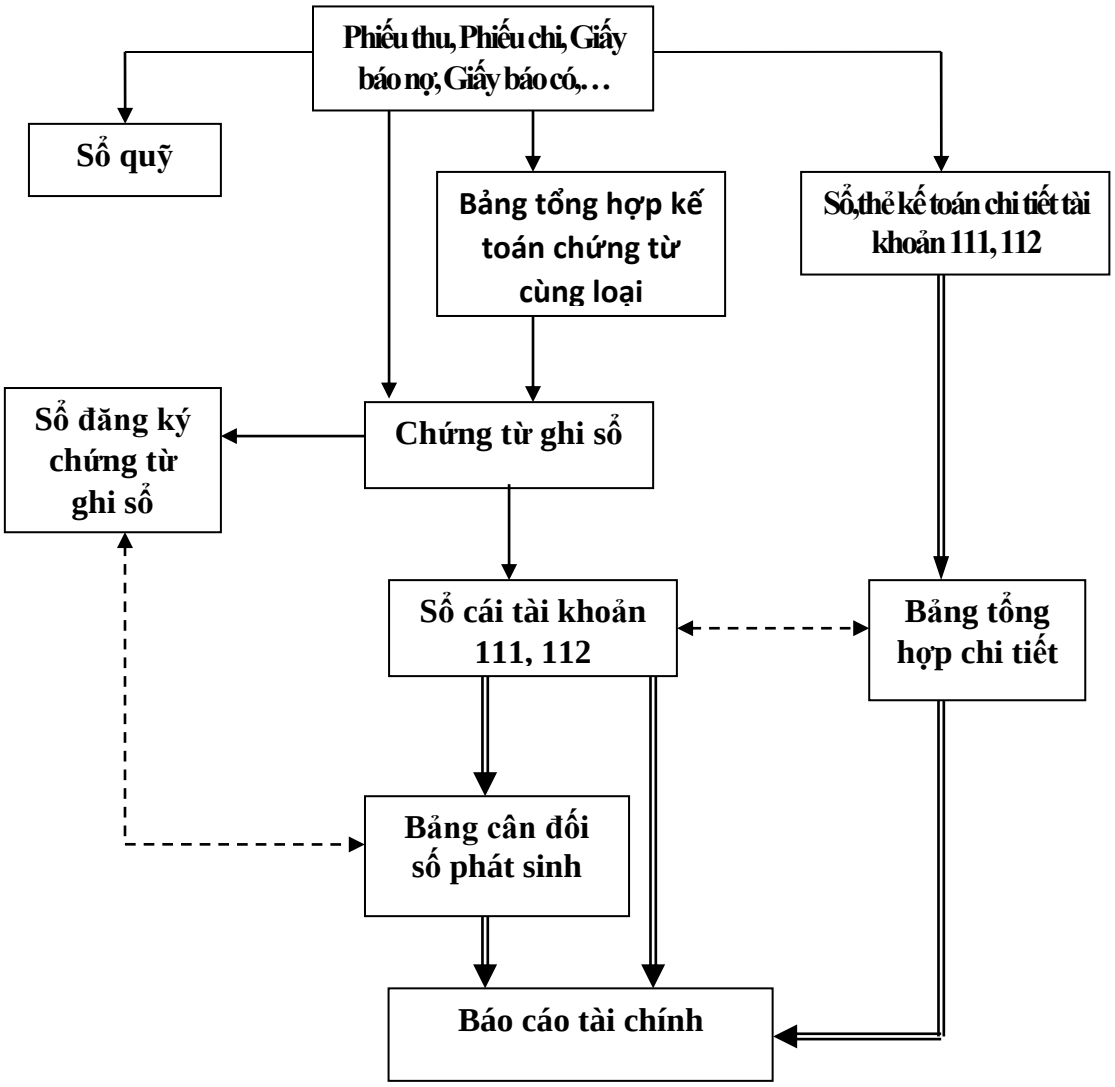

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

❖ Hình thức nhật ký chứng từ:

∗ Đặc điểm của hình thức Nhật ký – chứng từ

∗ Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ là tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

∗ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

∗ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

∗ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính.

∗ Trình tự ghi sổ của hình thức Nhật ký – Chúng từ: Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán tiến hành ghi vào Nhật ký chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký – chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký – chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – chứng từ. Cuối tháng căn cứ vào Nhật ký – chứng từ để vào sổ cái các tài khoản.

∗ Các loại sổ sách áp dụng:

+ Nhật ký chứng từ
+ Bảng kê
+ Sổ cái
+ Sổ thẻ kế toán chi tiết

∗ Sơ đồ luân chuyển chứng từ:

Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký – Chứng từ:

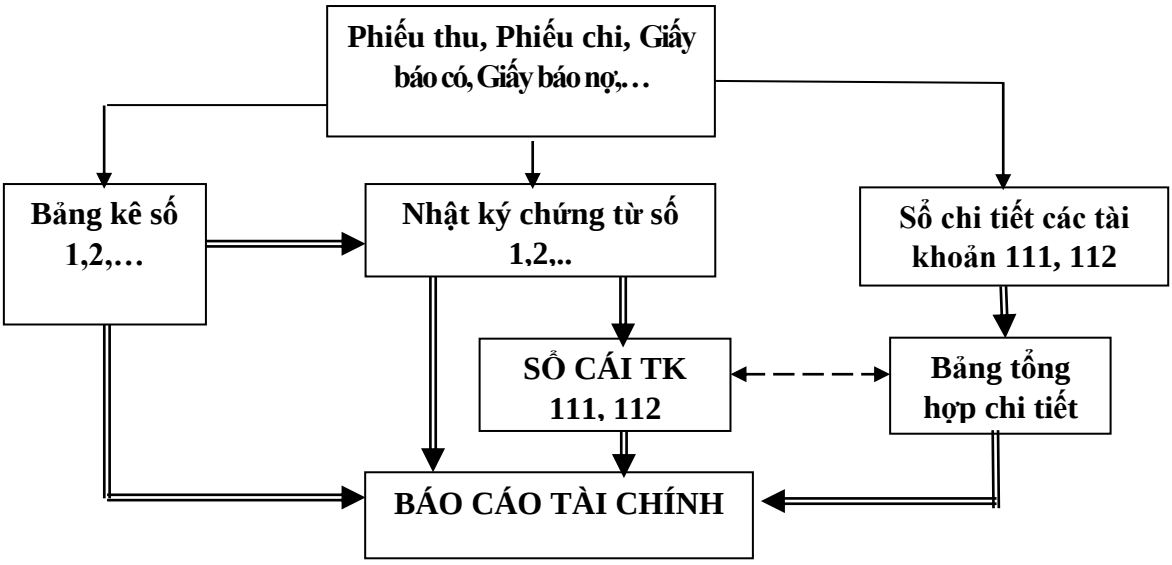

Ghi chú: ⟶ Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối tháng

◂⋯▸ Đối chiếu

❖ Hình thức nhật ký chung:

Nhật ký chung là hình thức kế toán đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán, đặc biệt có nhiều thuận lợi khi ứng dụng máy tính trong xử lý số liệu kế toán trên sổ.

* Trình tự ghi sổ của hình thức Sổ Nhật ký chung: Hằng ngày, căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung hoặc Sổ Nhật ký chuyên dùng sau đó căn cứ vào Sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản.
* Các loại sổ sách áp dụng:
  + Sổ Nhật ký chung
  + Sổ cái các tài khoản
  + Sổ nhật ký đặc biệt
  + Sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết

❖ Sơ đồ luân chuyển chứng từ:

Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung:

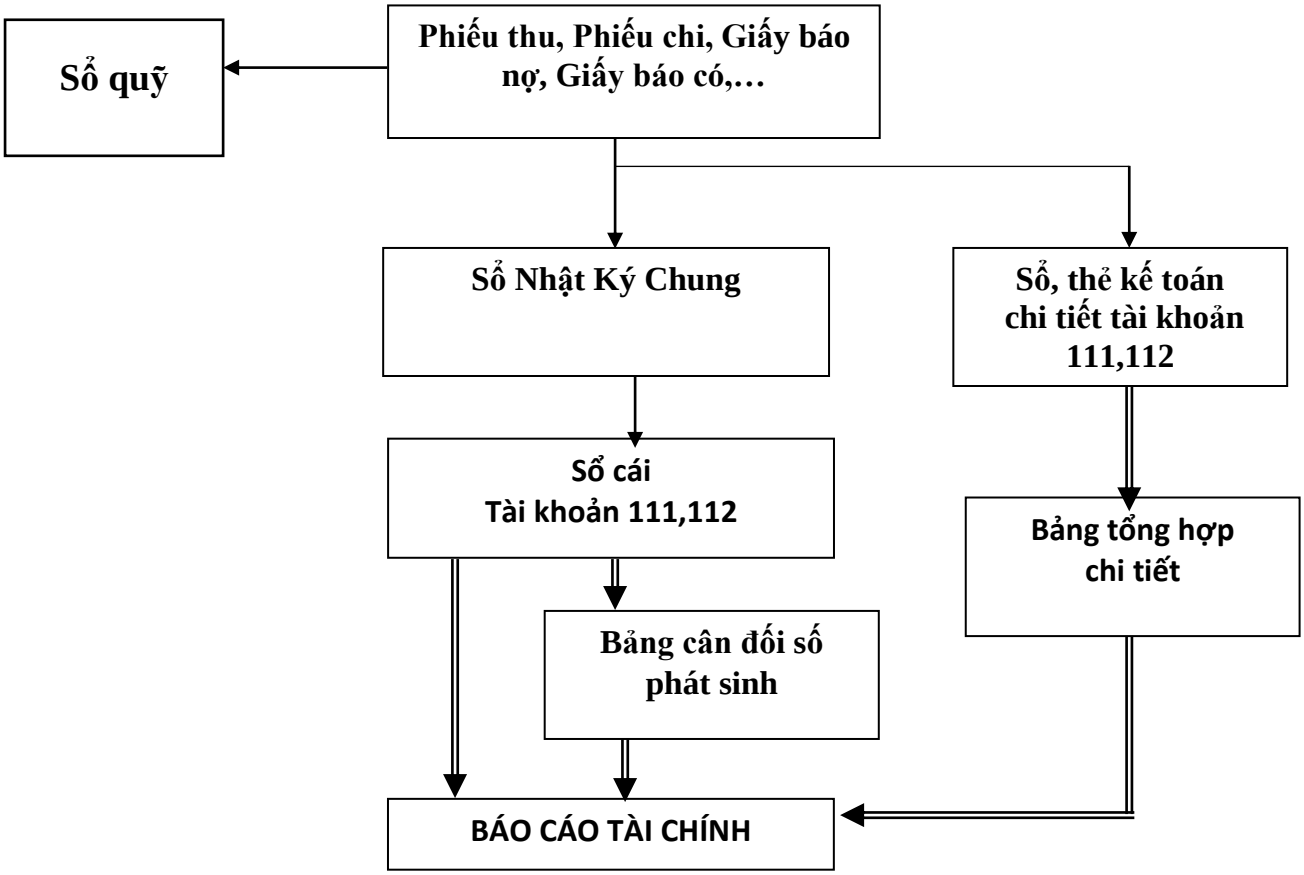

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

❖ Hình thức kế toán máy:

∗ Đặc trưng cơ bản của hình thức này là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của các hình thức kế toán nói trên.

∗ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính, thực tế đó là quá trình vi tính hoá các thao tác trên sổ sách chứng từ. Bởi vì các sổ sách chứng từ đã được mô phỏng trên phần mềm máy tính. Sau khi các số liệu đã được nhập vào máy, phần mềm kế toán sẽ tự động kiểm tra, khớp các số liệu và nhập vào các sổ kế toán chi tiết hoặc tổng hợp cần thiết.

Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức Kế toán máy:

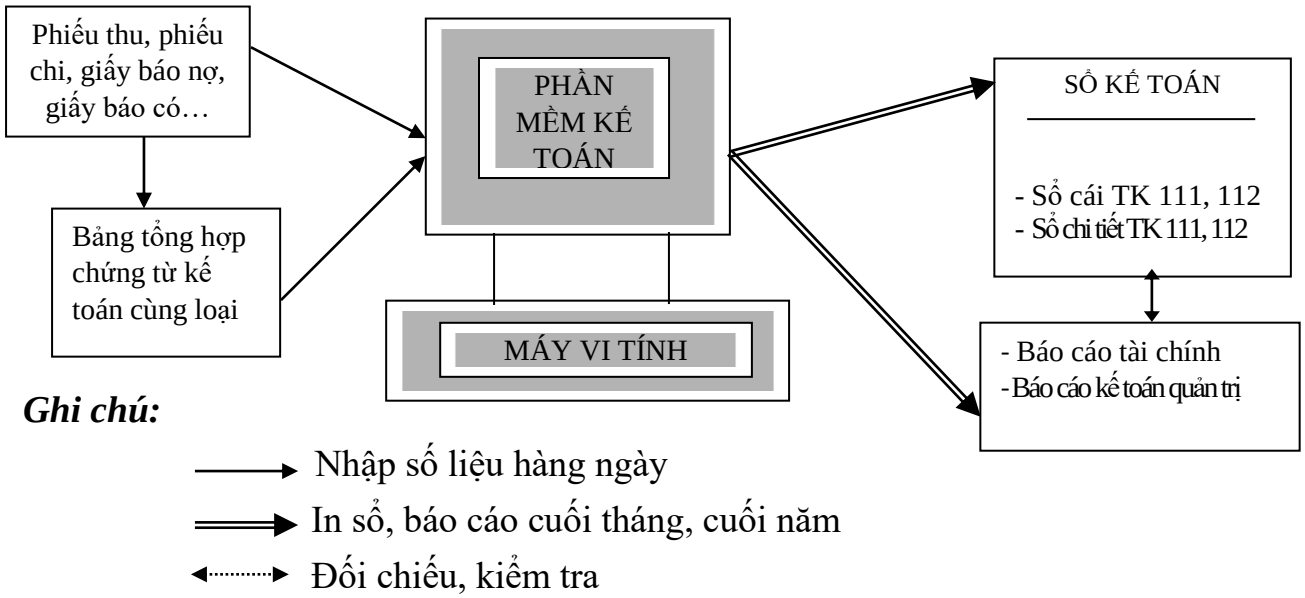

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHHTHUỐC LÁ HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về công ty.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

**** Thông tin chung về công ty***

- Tên công ty: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên Thuốc lá Hải Phòng
- Tên viết tắt: Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng
- Tên tiếng Anh: HaiPhong Tobaco Company
- Trụ sở giao dịch: Số 280 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.751404 Fax: 0313751357
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000đ
- Thành viên góp vốn:

- Vốn của Tổng công ty Thuốc Lá Việt Nam: 25.500.000.000đ, bằng 51% vốn điều lệ.
- Vốn của Văn phòng Thành Ủy Hải Phòng: 24.500.000.000đ, bằng 49% vốn điều lệ
- Được sự cho phép của thành ủy Hải Phòng và sự ủy nhiệm của Giám đốc Liên hiệp du lịch dịch vụ Hải Phòng (Liên hiệp), công ty hàng phi mậu dịch trực thuộc liên hiệp đã tham gia ký kết một hợp đồng kinh tế với hãng Rothmans nay là hãng BAT (British America Tobbacco) của Singapore với tên gọi "Hợp đồng thuốc lá điếu". Nội dung cơ bản của Hợp đồng là:
- Hãng Rothmans cho công ty dịch vụ hàng phi mậu dịch mượn toàn bộ dây chuyền sản xuất thuốc lá điếu và hãng chịu trách nhiệm bán toàn bộ nguyên vật liệu cho Công ty.
- Trong quá trình mượn dây chuyền sản xuất thuốc lá điếu, công ty hàng phi mậu dịch chỉ được dùng để sản xuất thuốc lá với nguyên vật liệu nhập của hãng Rothmans.

- Đến ngày 14/08/1991, Công ty Thuốc lá Hải Phòng thuộc Công ty hàng phi mậu dịch chính thức được thành lập và đi vào hoạt động.
- Năm 2006, UBND thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định số 2196/QĐ-UBND (ngày 6/10/2006) chuyển Công ty Thuốc lá Hải Phòng từ một doanh nghiệp hoạt động theo quy chế doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên công nghiệp thuốc lá, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000046 ngày 13/10/2006 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp, với số vốn điều lệ là 36.8000.000.000 đồng do Văn phòng thành uỷ Hải Phòng làm chủ hữu và nắm 100% vốn điều lệ.
- Đến năm 2008,
- Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Công Nghiệp Thuốc Lá sang hoạt động theo mô hình công ty TNHH hai thành viên theo quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải phòng, đăng ký kinh doanh số 0202006162 ngày 3/1/2008, sửa đổi lần 1 ngày 01/09/2009 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hải Phòng cấp.

2.1.2.Đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Hiện nay, Công ty chủ yếu thực hiện sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá điếu và các liệu nguyên liệu phụ liệu phục vụ cho ngành sản xuất thuốc lá. Hằng năm, Công ty trích nộp Ngân sách Nhà nước hàng trăm tỷ đồng và là một trong những doanh nghiệp có số nộp ngân sách cao nhất thành phố Hải Phòng.

2.1.3.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:

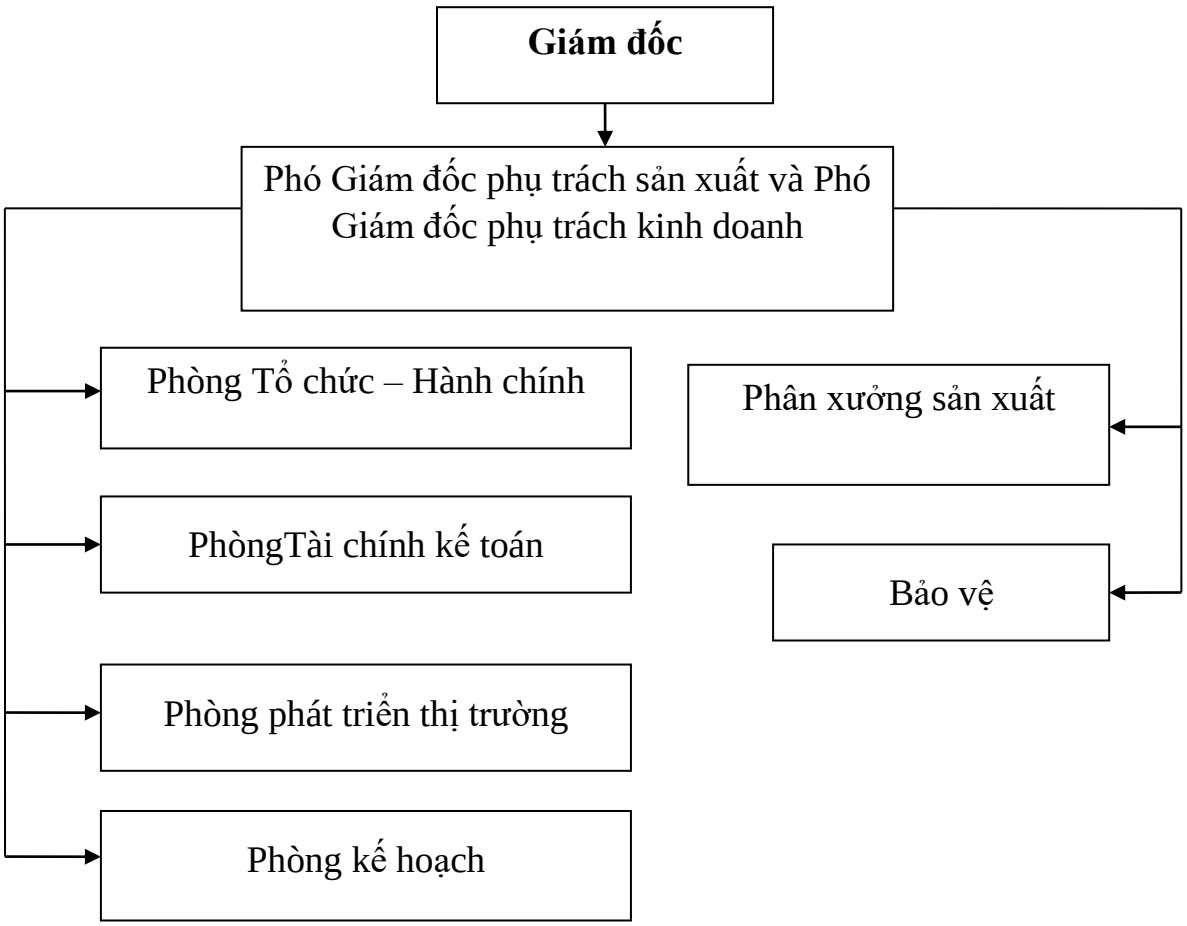

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

- Chức năng của từng bộ phận

  * ***Giám đốc:***

  - Là người ra quyết định thực hiện toàn bộ công tác kinh doanh, thông tin tài chính, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty, trực tiếp quan hệ với khách hàng và ký kết các hợp đồng kinh tế.
  - Chịu trách nhiệm về những tổn thất do hoạt động kinh doanh kém hiệu quả làm hao hụt, lãng phí tài sản, vật tư…theo chế độ quy định, việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ ngắn hạn và dài hạn của Giám đốc phải thông qua công nhân viên của Công ty.

  * ***Phó Giám đốc:*** là người giúp việc cho Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành Công ty, bao gồm:

  - Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh
  - Phó Giám đốc phụ trách sản xuất

- ***Phòng Tổ chức – Hành chính:*** có nhiệm vụ phân công quản lý về mặt nhân sự, lao động tiền lương, giải quyết các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách đối với cán bộ công nhân viên theo chế độ hiện hành.
- ***Phòng kế toán***: có chức năng quản lý tài chính, kế toán, thực hiện thông tin và kiểm tra về tình hình hoạt động cũng như các nghĩa vụ tài chính của Công ty, thực hiện thống kê sản xuất theo yêu cầu của Giám đốc.
- ***Phòng phát triển thị trường***: có nhiệm vụ mở rộng thị trường ở các tỉnh thành, điều tiết sản phẩm ở các khu vực để đạt tiêu thụ cao. Lập kế hoạch tiêu thụ hàng năm và dài hạn, đề ra chiến lược kinh doanh của Công ty…
- ***Phòng kế hoạch***:có nhiệm vụ lập kế hoạch nhập nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm của Công ty trên thị trường thông qua việc ký kết, thực hiện, theo dõi, xử lý các hợp đồng kinh tế. Phòng kế hoạch thường xuyên phối hợp với phòng Kế toán để theo dõi công nợ và thu tiền của khách hàng. Tổ chức việc thực hiện nhập nguyên vật liệu từ hãng BAT theo kế hoạch, đồng thời chịu trách nhiệm về thủ tục giấy phép xuất nhập khẩu với các cơ quan chức năng, đảm bảo giao nhận hàng đúng tiến độ.
- ***Phân xưởng sản xuất***: là nơi trực tiếp tiến hành sản xuất sản phẩm với 3 dây chuyền hiện đại được hãng BAT cho mượn theo "Hợp đồng hợp tác thuốc lá điếu".
- ***Ban bảo vệ***: có nhiệm vụ tổ chức bảo vệ tài sản, giữ vững an ninh trật tự trong Công ty, đồng thời kết hợp chặt chẽ với cơ quan đoàn thể trong và ngoài Công ty bảo vệ an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo đảm cho Công ty hoạt động an toàn.

2.1.4.Tổ chức công tác kế toán tại Công ty:

2.1.4.1.Tổ chức bộ máy kế toán:

Do đặc điểm tính chất hoạt động và qui mô của Công ty, Công ty đã lựa chọn mô hình tổ chức kế toán tập trung. Theo hình thức này, Phòng Tài chính kế toán Công ty làm nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra hạch toán kế toán toàn Công ty. Bộ máy kế toán của Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng được tổ chức theo mô hình tập trung với một phòng kế toán duy nhất gồm 6 thành viên phụ trách các phần hành kế toán khác nhau.

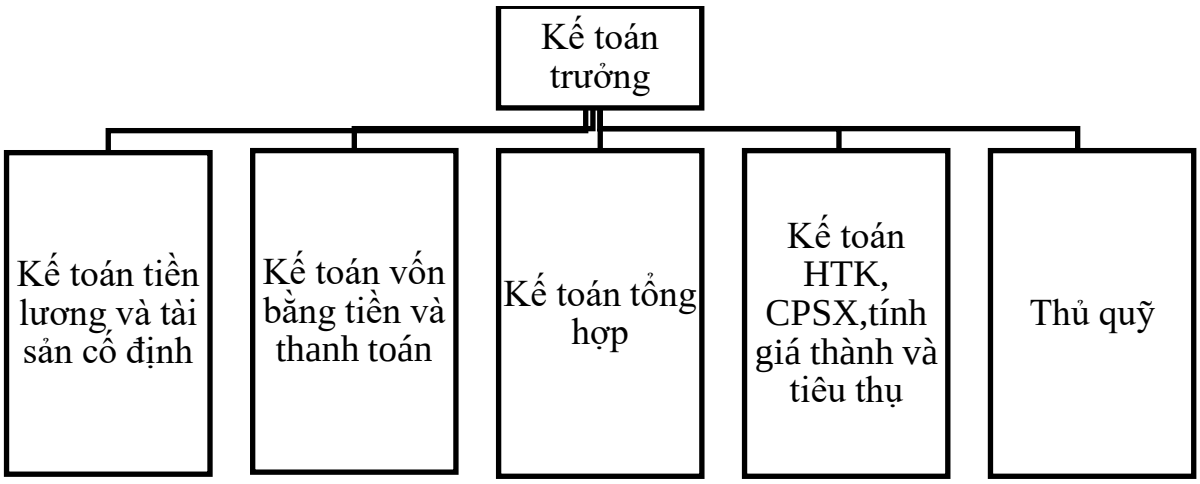

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng

∗ ***Kế toán trưởng***: có chức năng giúp Giám đốc Công ty tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế ở Công ty theo cơ chế quản lý mới, đồng thời làm nhiệm vụ kiểm soát kinh tế – tài chính của Nhà nước tại Công ty.

***** ***Kế toán tổng hợp***: nhiệm vụ chủ yếu là tập hợp dữ liệu từ các kế toán viên phụ trách các phần hành riêng biệt, thực hiện các bút toán điều chỉnh, kết chuyển, khoá sổ trước khi lên báo cáo tài chính cũng như lập báo cáo thuế.

***** ***Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán*** : nhiệm vụ kiểm tra chứng từ thu, chi tiền mặt và ngân hàng, nộp ngân sách. Hạch toán các nghiệp vụ có liên quan đến tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

∗ ***Kế toán viên phụ trách về tiền lương và TSCĐ:***

- Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ có liên quan đến lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương
- Ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ có liên quan đến biến động TSCĐ của doanh nghiệp, tính toán, phân bổ chính xác khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

∗ ***Kế toán viên phụ trách về Hàng tồn kho, CPSX, tính giá thành sản phẩm và tiêu thụ:***

Theo dõi hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm và doanh thu tiêu thụ.

∗ ***Thủ quỹ***: Là người chịu trách nhiệm và quản lý việc nhập, xuất quỹ TM, hàng ngày phải kiểm kê số tồn quỹ so với kế toán.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty:

- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng có niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng: nhật ký chứng từ.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi sổ kế toán: đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán áp dụng: Thông tưsố: 200/2014/TT-BTC
- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: giá trị ghi sổ của TSCĐ là Theo nguyên giá.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình áp dụng phương pháp đường thẳng.
- Kế toán thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Hình thức sổ kế toán ở công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng là hình thức: NHẬT KÝ CHỨNG TỪ

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty:

Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty:

- Đặc trưng của hình thức Nhật ký - Chứng từ (NKCT)

+ tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ
+ kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)
+ kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép
+ sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chi tiết quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính

- Hình thức NKCT gồm các loại sổ kế toán sau:

+ Nhật ký chứng từ
+ Bảng kê
+ Sổ cái
+ Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

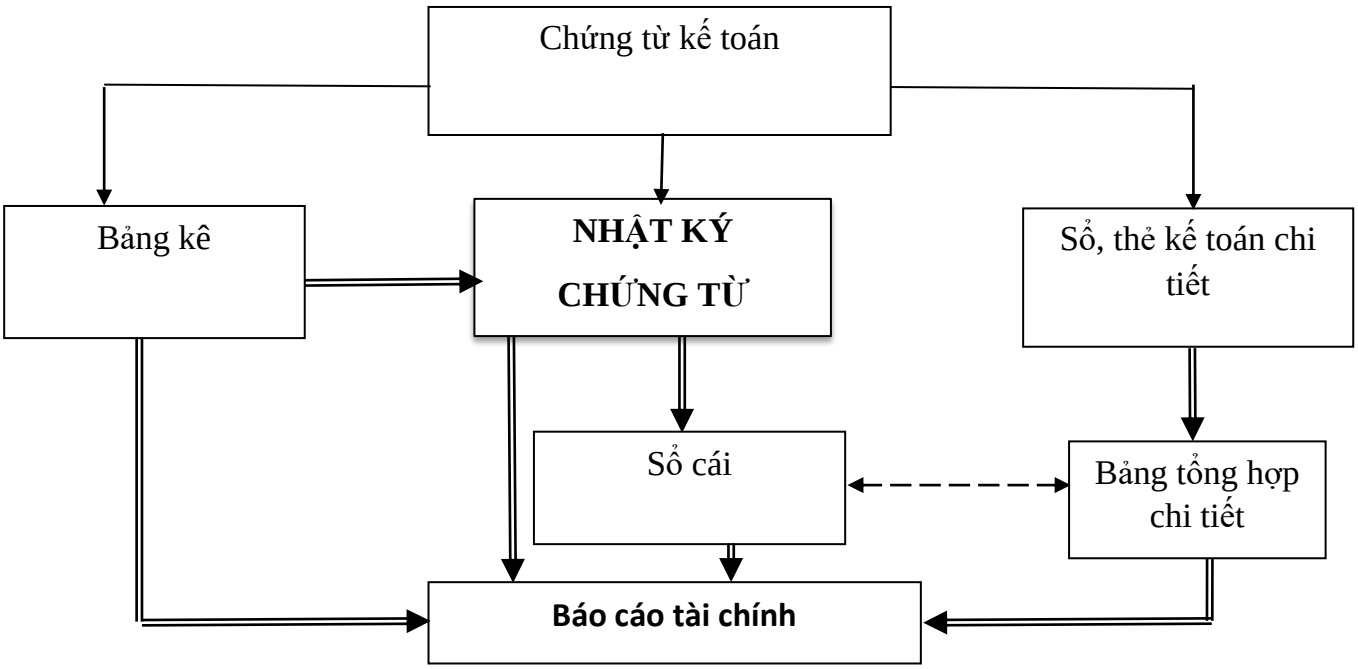

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng: ⟹

Đối chiếu, kiểm tra: ⟷

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính tại Công ty:

Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng sử dụng hệ thống báo cáo tài chính theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính năm, gồm:

- Bảng cân đối kế toán Mẫu số B 01 - DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B 02 - DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B 03 - DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính Mẫu số B 09 - DN

2.2.Thực trạng công tác kế toán tại Công ty Thuốc lá Hải Phòng:

2.2.1.Kế toán tiền mặt tại quỹ:

2.2.1.1.Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06-TT)

- Tài khoản sử dụng:

TK111: Tiền mặt.

2.2.1.2.Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty:

Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt

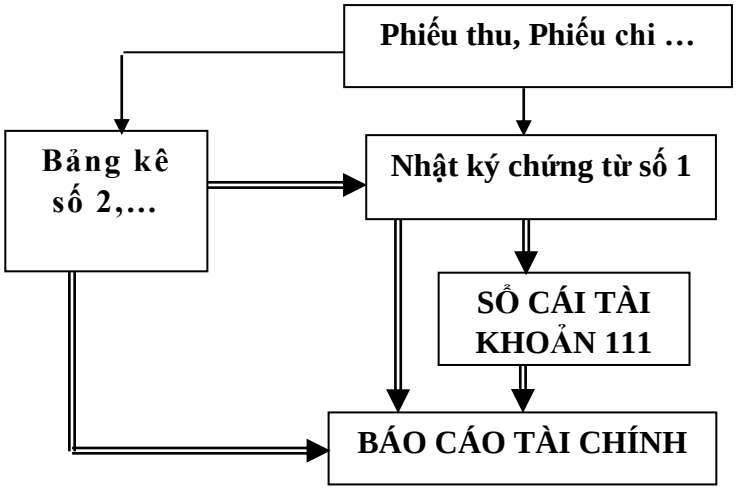

Ghi chú: ⟶ Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối tháng

◂⋯▸ Đối chiếu

Từ phiếu thu, phiếu chi kế toán ghi vào bảng kê số 1 và Nhật kí chứng từ số 1. Từ nhật ký chứng từ 1 vào sổ cái tài khoản 111. Sau đó vào Báo cáo tài chính.

2.2.1.3.Một số ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2016, Công ty TNHH Phương Đông trả tiền hàng thuốc lá SEAPORT, Phiếu thu số 200, số tiền: 14.250.500

Kế toán định khoản: Nợ TK 111:14.250.500

Có TK 511: 12.955.000

Có TK 3331:1.295.500

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán lập phiếu thu (biểu số 2.2) từ phiếu thu thủ quỹ vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.9), kế toán vào bảng kê số 1

(biểu số 2.11), cuối tháng số liệu từ bảng kê số 1 kế toán dùng để ghi vào nhật ký chứng từ liên quan.

Ví dụ 2: Ngày 01/12/2016 chi tiền tạm ứng mua xăng đi công tác nội ngoại tỉnh (xe 16H-9569) theo phiếu chi số 250 , số tiền 3.000.000

Kế toán định khoản: Nợ TK141:3.000.000

Có TK111:3.000.000

Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng (biểu số 2.3), kế toán lập phiếu chi (biểu số 2.4), từ phiếu chi thủ quỹ vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.9), kế toán vào nhật ký chứng từ số 1 (biểu số 2.10). Cuối tháng, số liệu trên nhật ký chứng từ số 1 được dùng để vào sổ cái tài khoản 111.

Ví dụ 3: Ngày 15/12/2016 rút tiền ngân hàng về nhập quỹ, số tiền:150.000.000.

Kế toán định khoản: Nợ TK 111: 150.000.000

Có TK 112: 150.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán lập phiếu thu (biểu số 2.5), từ phiếu thu thủ quỹ vào sổ quỹ tiền mặt, kế toán vào bảng kê số 1 (biểu số 2.11), cuối tháng số liệu từ bảng kê số 1 kế toán dùng để vào nhật ký chứng từ liên quan.

Ví dụ 4: Ngày 20/12/2016 Doanh nghiệp nộp tiền vào tài khoản ngân hàng. Số tiền là 50.000.000

Kế toán định khoản: Nợ TK 112: 50.000.000

Có TK 111: 50.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán lập phiếu chi số 300 (biểu số 2.7), từ phiếu chi thủ quỹ vào sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.9), kế toán vào nhật ký chứng từ số 1 (biểu số 2.10). Cuối tháng, số liệu trên nhật ký chứng từ số 1 được dùng để vào sổ cái tài khoản 111.

Biểu số 2.1:Hóa đơn GTGT đầu ra

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Kí hiệu: TL/16P
(Liên3: Nội bộ) Số: 0001583
Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng
MST: 0200112688
Địa chỉ: Số 280 Đã Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại:0313.610.645 Fax:0313.610.623
Số tài khoản:116000009950 tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN

Họ và tên người mua hàng:Phạm Hồng Đức
Tên đơn vị: Công ty TNHH Phương Đông
MST: 023223133
Địa chỉ:Số 11D Bến Bính,Q.Hồng Bàng, Hải Phòng
Hình thức thanh toán:TM ; Số tài khoản:711A33323940

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thuốc lá SEAPORT	Bao	2.500	5.182	12.955.000
Cộng tiền hàng:					12.955.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.295.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.250.500

Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng chẵn.

Người mua hàng Người bán hàng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.2:Phiếu thu

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT-BTCngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Số: PT 200
Nợ TK 111: 14.250.500
Có TK 511: 12.955.000
Có TK 3331:1.295.500

Họ và tên người nộp tiền: Phạm Hồng Đức
Địa chỉ:: Công ty TNHH Phương Đông
Lí do thu: Trả tiền hàng thuốc lá SEAPORT
Số tiền: 14.250.500
Bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nộp tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười bốn triệu, hai trăm năm mười nghìn đồng chẵn.
+ Tỷ giá ngoại tệ:……
+ Số tiền quy đổi:……

Biểu số 2.3:Giấy đề nghị tạm ứng:

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG **Mẫu số 03 – TT**

Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng (Ban hành theo TT số: 200/2014/TT-BTCngày 22/12/2014 của BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Kính gửi:Giám đốc Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

Tên tôi là: Lê Xuân Trường

Bộ phận: Phòng Tổ chức – Hành chính

Đề nghị tạm ứng số tiền: 3.000.000

Viết bằng chữ: ba triệu đồng chẵn.

Lý do tạm ứng: mua xăng xe đi công tác nội ngoại tỉnh (xe 16H- 9596)

Thời hạn thanh toán: 31/12/2016

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Phụ trách bộ phận**	**Người đề nghị tạm ứng**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.4:Phiếu chi:

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02– TT
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT-BTCngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Số: PC 250
Nợ TK141:3.000.000
Có TK111:3.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Lê Xuân Trường
Địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính
Lí do chi: Tạm ứng tiền mua xăng đi công tác nội ngoại tỉnh (xe 16H – 9596)
Số tiền: 3.000.000
Bằng chữ: Ba triệu đồng chẵn.
Kèm theo 1 chứng từ gốc.

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận dủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu đồng chẵn.
+ Tỷ giá ngoại tệ:……
+ Số tiền quy đổi:……

Biểu số 2.5: Phiếu thu

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 01– TT
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Số: PT 201
Nợ TK 111: 150.000.000
Có TK 1121: 150.000.000

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Lan Anh
Địa chỉ:Phòng kế toán
Lí do thu: Rút tiền gửi Ngân hàng nhập quỹ tiền mặt
Số tiền: 150.000.000
Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nộp tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn
+ Tỷ giá ngoại tệ:……
+ Số tiền quy đổi:……

Biểu số 2.6: Sao kê chi tiết giao dịch

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Sao kê chi tiết giao dịch

Từ ngày 15/12/2016 Đến ngày 15/12/2016

Kính gửi quý khách hàng: CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

VietinBank xin trân trọng thông báo Sao kê giao dịch tài khoản:116000009950 như sau:

Ngày	Giờ	Nội dung giao dịch	Số tiền giao dịch		Số dư
			Nợ	Có	
Số dư đầu kỳ					**2.116.908.198**
15/12/2016	14:52:09	Chuyển tiền tài trợ cho cuộc thi giọng hát hay trên sóng phát thanh truyền hình Hải Phòng lần thứ 10 "Hải Phòng Sao Mai 2016"	50.000.000		2.066.908.198
15/12/2016	14:53:14	Nguyễn Lan Anh rút tiền từ tài khoản	150.000.000		1.916.908.198

Cộng phát sinh	**200.000.000**	**0**	
Số dư cuối kỳ			**1.916.908.198**

Giao dịch viên **Kiểm soát viên**

Biểu số 2.7:Phiếu chi:

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02– TT
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 12 năm 2016

Số: PC 300
Nợ TK1121:50.000.000
Có TK111:50.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Lan Anh
Địa chỉ: Phòng Kế toán
Lí do chi: Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng
Số tiền: 50.000.000
Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn.
Kèm theo 1 chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận dủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu đồng chẵn.
+ Tỷ giá ngoại tệ:……
+ Số tiền quy đổi:……

Biểu số 2.8: Giấy báo có

Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Số giao dịch: 9390

Ngày thực hiện: 20/12/2016

Tên người chuyển: Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

Số tài khoản:11600000987

Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Hồng Bàng

Người thụ hưởng: Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

Số tài khoản:11600000987

Tại Ngân hàng:Ngân hàng TMCP Công Thương Hồng Bàng

Số tiền bằng số: 50.000.000 Loại tiền: VND

Số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung: Nộp tiền vào tài khoản

Người thực hiện: UAT1OPR

Mã giao dịch: DD – DA Deposit

Ngày giờ in: 20/12/1016 10:00:05

Giao dịch viên **Kiểm soát viên**

Biểu số 2.9:Sổ quỹ tiền mặt

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG **Mẫu số: S07–DN**
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng *(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản 111 – Tiền mặt
Năm 2016

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
			Tồn đầu tháng			**112.940.687**
1/12		PC249	Chi tiền sinh nhật cho ĐVCĐ tháng 12/2016		2.700.000	110.240.687
1/12		PC250	Tạm ứng tiền xăng xe đi công tác nội ngoại tỉnh		3.000.000	107.240.687
1/12	PT170		Nộp tiền mua phế thải	460.000		107.700.687
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/12		PC270	Thanh toán tiền bốc vác thuốc lá		252.000	237.340.942
15/12	PT200		Công ty Phương Đông trả tiền mua thuốc lá SEAPORT	14.250.500		251.591.442
15/12	PT201		Rút tiền ngân hàng về nhập quỹ.	150.000.000		401.591.442
...	...	...	...	...	...	...
20/12		PC299	Thanh toán tiền vé cầu đường đi công tác		348.000	402.669.654
20/12		PC300	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng		50.000.000	352.669.654
...	...	...	...	…	…	...
31/12		PC368	Thanh toán tiền vé cầu đường đi công tác		285.000	168.664.875
			Tổng cộng	**1.860.303.975**	**1.804.579.787**	
			Tồn cuối tháng			**168.664.875**

Ngày Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	**Người lập phiếu**	**Kế toán trưởng**
(ký tên, đóng dấu)	*(ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.10:Nhật ký chứng từ số 1

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S04a1–DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi có TK 111 – Tiền mặt

Tháng 12 năm 2016

Số TT	Ngày	Ghi có TK 111, ghi nợ các TK							
		112	**141**	**331**	**…**	**641**	**….**	**811**	**Cộng có TK 111**
1	01/12		3.000.000						**3.000.000**
					….				
5	05/12					10.160.000			**10.160.000**
…									**…**
15	15/12			714.000.000		18.372.000		10.500.000	**742.872.000**
…									
20	20/12	50.000.000							**50.000.000**
…									**…**
Tổng cộng		**550.000.000**	**149.500.000**	**650.250.000**	**...**	**190.425.634**	**…**	**13.664.500**	**1.804.579.787**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11:Bảng kê số 1

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S04b1–DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 1
Ghi Nợ TK 111 – Tiền mặt
Tháng 12 năm 2016

Số dư đầu tháng: 112.940.687

Số TT	Ngày	Ghi nợ TK 111, ghi có các TK								
		112	**131**	**141**	**…**	**3331**	**511**	**711**	**Cộng nợ TK 111**	**Số dư cuối ngày**
1	01/12	500.000.000							500.000.000	**526.948.687**
…									…	**…**
6	06/12		85.250.000					7.125.455	92.375.455	**502.909.342**
…									…	**…**
12	12/12		17.100.000	575.000					17.675.000	**237.341.442**
…										
15	15/12	150.000.000				1.295.500	12.955.000		164.250.500	**133.604.642**
…									…	**…**
Tổng cộng		**750.000.000**	**118.650.000**	**19.515.000**	**…**	**66.812.696**	**668.126.960**	**7.125.455**	**1.860.303.975**	

Số dư cuối tháng: 168.664.875

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ **Kế toán trưởng**

(ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Sổ cái 111

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S05–DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 111 – Tiền mặt
Năm 2016

Số dư đầu năm	Nợ	
	Có	

Ghi có các TK đối ứng Nợ TK này		**Tháng 1**	**Tháng 2**	**…**	**Tháng 11**	**Tháng 12**	**Cộng**
112						750.000.000	
131						118.650.000	
141						19.515.000	
…..							
3331						66.812.696	
511						668.126.960	
711						7.125.455	
…						…	
Cộng phát sinh	**Nợ**					1.860.303.975	
	Có					1.804.579.787	
Số dư cuối tháng	**Nợ**				112.940.687	168.664.875	
	Có						
Số PS lũy kế	**Nợ**						
	Có						

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Công ty mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Hải Phòng chi nhánh Hồng Bàng và Ngân hàng Indovina, hạch toán tiền gửi ngân hàng chủ yếu ở công ty đó là nhận tiền hàng do khách hàng trả tiền hàng, trả nợ người bán, nợ vay…

2.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Nợ
- Giấy báo Có
- Sao kê chi tiết giao dịch
- Ủy nhiệm chi

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản: 112 "**Tiền gửi ngân hàng**" chi tiết

- Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Công Thương Hải Phòng chi nhánh Hồng Bàng
- Tài khoản 1122 - Ngoại tệ tại Ngân hàng Indovina

2.2.2.3. Quy trình hạch toán tiền gửi Ngân hàng

Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng của công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng theo sơ đồ sau:

Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng

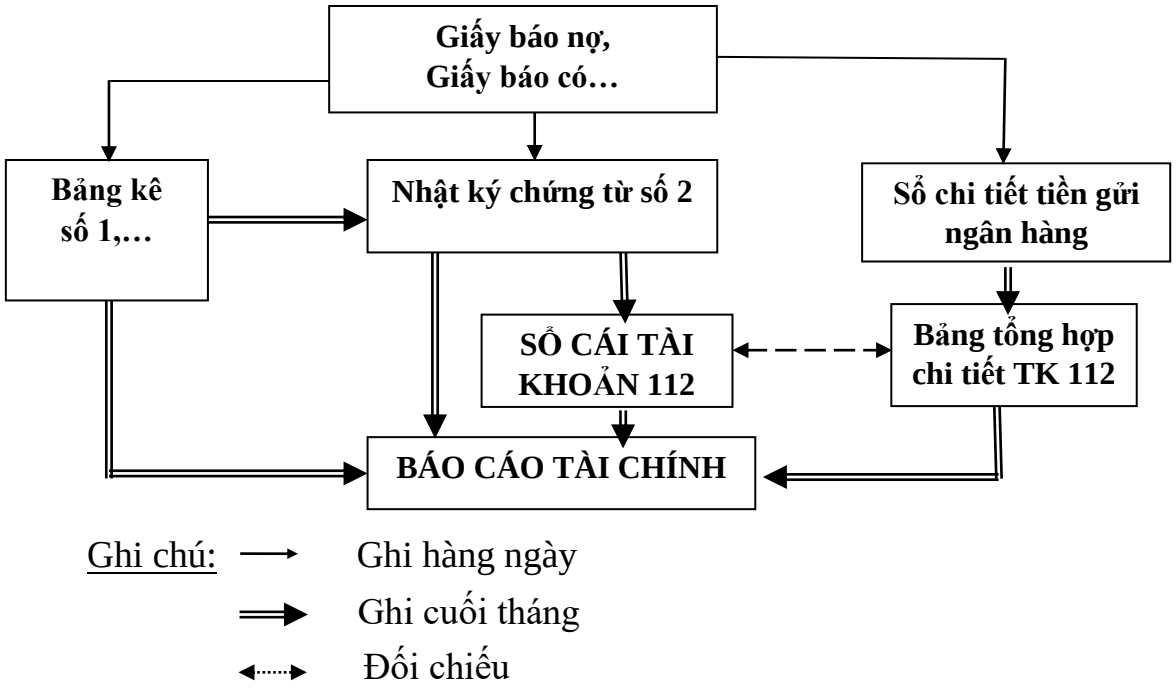

2.2.2.4. Một số ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 8/12/2016 công ty TNHH TM & DV Mai Lan trả tiền hàng theo giấy báo có ngày 8/12/2016 của Ngân hàng, số tiền : 28.500.000

Kế toán định khoản: Nợ TK 1121:28.500.000

Có TK 131:28.500.000

Từ giấy báo có của ngân hàng kế toán vào Bảng kê số 2 (biểu số 2.19), cuối tháng từ số liệu bảng kê số 2 vào các Nhật ký chứng từ có liên quan.

Ví dụ 2: Ngày 9/12/2016 thanh toán tiền nước cho Công ty TNHH MTV Cấp nước HP – theo ủy nhiệm chi ngày 8/12/2016, số tiền: 4.636.699

Kế toán định khoản: Nợ TK 642:4.215.181

Nợ TK 133: 421.518

Có TK 1121: 4.636.699

Từ ủy nhiệm chi kế toán vào nhật ký chứng từ số 2, cuối tháng từ nhật ký chứng từ số 2 (biểu số 2.18) vào sổ cái tài khoản 112 (biểu số 2.20)

Ví dụ 3: Ngày 20/12/2016 công ty chuyển tiền ký quỹ mở LC để mua nguyên liệu sợi thuốc lá Croby MND3 của công ty ZHENGZHOU HONGLIANG CO., LTD số tiền 30.000 USD

-Tỷ giá thực tế ngày giao dịch: 22.915đ/USD

-Tỷ giá xuất quỹ: 22.750đ/USD)

Kế toán định khoản: Nợ TK 244: 687.450.000

Có TK 1122: 682.500.000

Có TK 515: 4.950.000

Căn cứ giấy báo Nợ kế toán ghi vào NKCT số 2. cuối tháng từ nhật ký chứng từ số 2 (biểu số 2.18) vào sổ cái tài khoản 112 (biểu số 2.20)

Ví dụ 4: Ngày 31/12/2016 lãi tiền gửi ngân hàng theo phiếu báo lãi ngày 31/12/2016 của ngân hàng, số tiền: 5.666.496

Kế toán định khoản: Nợ TK 1121:5.666.496

Có TK 515: 5.666.496

Từ phiếu báo lãi của ngân hàng và thông báo giao dịch kế toán vào Bảng kê số 2 (biểu số 2.19), cuối tháng từ số liệu bảng kê số 2 vào nhật ký chứng từ có liên quan.Từ các chứng từ ngân hàng kế toán ghi Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng. Cuối tháng lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 112 để đối chiếu với sổ cái

Biểu số 2.13: Giấy báo có

Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Số giao dịch: 9332

Ngày thực hiện: 08/12/2016

Tên người chuyển: Công ty TNHH TM & DV Mai Lan

Số tài khoản:103010000654

Tại Ngân hàng: Ngân hàng Đầu Tư – Phát Triển tỉnh Thái Bình

Người thụ hưởng: Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

Số tài khoản:116000009950

Tại Ngân hàng:Ngân hàng TMCP Công Thương Hồng Bàng

Số tiền bằng số:28.500.000 Loại tiền: VND

Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Trả tiền hàng của tháng 11/2016

Người thực hiện: UAT1OPR

Mã giao dịch: DD – DA Deposit

Ngày giờ in: 08/12/1016 10:31:05

Giao dịch viên **Kiểm soát viên**

Biểu số 2.14: ủy nhiệm chi

Ngân hàng Công Thương Việt Nam

ỦY NHIỆM CHI

Ngày:09/12/2016

Tên người trả tiền: Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng
Địa chỉ: 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số tài khoản:116000009950
Tại Ngân Hàng:TMCP Công Thương Hồng Bàng – Hải Phòng
Tên người hưởng: Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng
Số tài khoản:102010000200
Tại Ngân Hàng TMCP Quân đội
Số CMT/HC Ngày cấp:
Số tiền bằng số: 4.636.699
Số tiền bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng.

Nội dung: Thanh toán tiền nước tháng 11/2016

Kế toán trưởng	**Chủ tài khoản**	**Giao dịch viên**	**Kiểm soát viên**
	(*ký tên, đóng dấu*)		

Biểu số 2.15:Giấy báo Nợ

Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam

GIẤY BÁO NỢ

Số giao dịch: 9345

Ngày thực hiện: 09/12/2016

Tên người chuyển: Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

Số tài khoản: 116000009950

Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Hồng Bàng

Người thụ hưởng: Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng

Số tài khoản: 102010000200

Tại Ngân hàng: Ngân Hàng TMCP Quân đội

Số tiền bằng số: 4.636.699 Loại tiền: VND

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng.

Nội dung: Trả tiền nước tháng 11/2016

Người thực hiện: UAT1OPR

Mã giao dịch: DD – DA Deposit

Ngày giờ in: 09/12/1016 14:22:05

Giao dịch viên **Kiểm soát viên**

Biểu 2.15: **Giấy báo nợ**

INDOVINABANK	GIẤY BÁO NỢ **DEBIT ADVICE**	Sè /*Seq No*: 012 Ngµy/*Date*: 20/12/2016

Số tài khoản/*Account No:* **40042541.001**

Tên tài khoản/*Account: name*:

Kính gửi/*To:Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng*	Ngân Hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý Khách Hàng đã được ghi nợ với nội dung sau: *Please note that we have today **DEBITED** your account with the following entries:*

Ngày hiệu lực *Effective Date*	**Số tiền** *Amount*	**Loại tiền** *Currency*	**Diễn giải**/*particulars*
20/12/2016	30.000	USD	Ký quỹ mở LC để mua nguyên liệu sợi thuốc lá Croby MND3 của công ty ZHENGZHOU HONGLIANG CO., LTD

Số tiền bằng chữ (Amount in word): Ba mươi ngàn đô la Mỹ ***./.***

Giao dÞch viªn/***Prepared by***	**KiÓm so¸t/***Verified by*

Biểu số 2.17: Phiếu báo lãi

Ngân hàng Công Thương Việt Nam
CN Hồng Bàng – NH TMCP Công Thương Việt Nam

PHIẾU BÁO LÃI

Kính gửi quý khách hàng: Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng

Ngày 31/12/2016 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã tính lãi và hạch toán lãi của tài khoản 116000009950 với thông tin như sau:

- Số tiền lãi: 5.666.496
- Thời gian tính lãi: từ ngày 01/12/2016 đến ngày 31/12/2016
- Tài khoản được nhận lãi: 116000009950

Cám ơn Quý khách hàng đã tin tưởng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng chúng tôi. Nếu quý khách cần thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với Chi nhánh/Phòng giao dịch gần nhất, hoặc trung tâm chăm sóc khách hàng, số điện thoại: 1900 558 868

Người lập bảng Kiểm soát viên

Biểu số 2.18: Nhật ký chứng từ số 2

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S04a2–DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Ghi có tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

Tháng 12 năm 2016

Số TT	Ngày	Ghi Có TK 112, ghi Nợ các TK						
		…	133	152	…	627	642	Cộng có TK 112
1	01/12		19.954.845			199.548.450		**219.503.295**
…								…
9	09/12		421.518				4.215.181	**4.636.699**
…								…
15	15/12		45.056.709	450.567.085				**495.623.794**
…								…
20	20/12			682.500.000				682.500.000
…								…
Tổng cộng		**…**	**5.539.732.702**	**15.258.818.987**	**…**	**2.629.947.604**	**711.578.963**	**89.407.277.604**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Bảng kê số 2

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG

Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S04b2–DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 2

Ghi Nợ TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

Tháng 12 năm 2016

Số dư đầu tháng: 3.454.502.525

Số TT	Ngày	Ghi nợ TK 112, ghi Có các TK					
		131	**…**	**511**	**515**	**Cộng Nợ TK 112**	**Số dư cuối ngày**
1	01/12			987.600.000		987.600.000	**2.713.116.406**
…							**…**
8	08/12	28.500.000				28.500.000	**2.212.704.053**
…							**…**
19	19/12	180.000.000				180.000.000	**4.366.455.092**
….							**…**
21	21/12			920.780.580		920.780.580	**3.015.750.000**
…							**…**
31	31/12				5.666.496	5.666.496	**2.052.167.282**
Tổng cộng		**12.786.100.000**	**…**	**43.325.789.899**	**18.842.361**	**88.004.942.361**	**2.052.167.282**

Số dư cuối tháng: 2.052.167.282

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ **Kế toán trưởng**

(ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Sổ cái 112

CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG
Số 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S05–DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng
Năm 2016

Số dư đầu năm	Nợ	
	Có	

Ghi có các TK đối ứng với Nợ TK này		**Tháng 1**	**Tháng 2**	**…**	**Tháng 10**	**Tháng 11**	**Tháng 12**	**Cộng**
131							12.786.100.000	
….							……	
511							43.325.789.899	
515							18.842.361	
…							…	
Cộng phát sinh	**Nợ**						88.004.942.361	
	Có						89.407.277.604	
Số dư cuối tháng	**Nợ**					3.454.502.525	2.052.167.282	
	Có							
Số PS lũy kế	**Nợ**							
	Có							

Người ghi sổ (ký, họ tên) **Kế toán trưởng** (ký, họ tên) **Giám đốc** (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.21: Sổ tiền gửi ngân hàng

Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng
Địa chỉ:280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2016

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TMCP Công Thương Hải Phòng chi nhánh Hồng Bàng (VND)

Số hiệu tài khoản nơi giao dịch:116000009950

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (Gửi vào)	Chi (Rút ra)	Còn lại
			Số dư tháng 12				**1.926.232.525**
			…				
8/12	GBC0812	8/12	Cty TNHH TM và DV Mai Lan thanh toán tiền hàng	131	28.500.000		2.212.704.053
			……				
9/12	GBN0912	9/12	Thanh toán tiền nước tháng 11/2016	642 133		4.215.181 421.518	3.526.365.745
			……..				
31/12	PBL3112	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	515	5.666.496		1.175.203.855
			Cộng số phát sinh trong kỳ		68.599.686.676	69.350.715.346	
			Số dư cuối tháng 12				**1.175.203.855**

Ngày ... tháng .. năm ….

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.22: Sổ tiền gửi ngân hàng

Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng
Địa chỉ: 280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm: 2016

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Indovina (USD)
Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 40042541.001

Ngày tháng ghi sô	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Tỷ giá	Số tiền					
						Thu (Gửi vào)		Chi (Rút ra)		Còn lại	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nguyên tệ	Quy đổi ra VND	Nguyên tệ	Quy đổi ra VND	Nguyên tệ	Quy đổi ra VND
			Số dư đầu tháng 12		**22.810**					**67.000**	**1.528.270.000**
			…….								
20/12	GBN2012	20/12	Ký quỹ mở LC để mua nguyên liệu sợi thuốc lá Croby MND3 của công ty ZHENGZHOU HONGLIANG CO., LTD	244	22.750			30.000	682.500.000	760.000	17.354.265.251
			….								
			Cộng số phát sinh			850.000	19.405.255.685	880.000	20.056.562.258		
			Số dư cuối tháng 12							**37.000**	**876.963.427**

Ngày… tháng… năm…

Người ghi số
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên,đóng dấu)

***Biểu 2.23:*Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 112**

Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng
Địa chỉ:280 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 112 – TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12/2016

STT	Đối tượng	Số tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Tiền VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Hải Phòng chi nhánh Hồng Bàng	116000009950	1.926.232.525		68.599.686.676	69.350.715.346	1.175.203.855	
2	Ngoại tệ (USD) tại Ngân hàng Indovina	40042541.001	1.528.270.000		19.405.255.685	20.056.562.258	876.963.427	
	Cộng		3.454.502.525		88.004.942.361	89.407.277.604	2.052.167.282	

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THUỐC LÁ HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng:

Những khó khăn của nền kinh tế trong nước cũng như nền kinh tế thế giới trong những năm gần đây đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của công ty, cơ chế quản lý kinh tế còn trong thời kỳ chuyển đổi để hoàn thiện, các chính sách còn chưa đồng bộ. Do đó bên cạnh những thuận lợi, Công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Bản thân Công ty thuộc thành phần kinh tế quốc doanh chịu sự quản ký của nhà nước, nhưng Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý kinh tế và hạch toán phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và của đơn vị là chủ động trong kinh doanh. Với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của Ban giám đốc Công ty, sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, Công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh, ngày càng được khách hàng và các đối tác tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với năng lực, trình độ của mỗi người và yêu cầu quản lý của việc phù hợp với năng lực, trình độ của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Công tác kế toán của Công ty nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng đã góp phần nào đáp ứng được yêu cầy quản lý cũng như giúp Công ty kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.1.1. Ưu điểm về công tác vốn bằng tiền tại Công ty:

- *Về tổ chức bộ máy kế toán*

Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Phòng kế toán của Công ty được bố trí hợp lý, chặt chẽ, các công việc

được phân công một cách rõ ràng, cụ thể phù hợp với yêu cầu của từng bộ phận. Kế toán trưởng cùng đội ngũ kế toán viên có năng lực, giàu kinh nghiệm. Nhờ đó mà công tác kế toán được thực hiện nhịp nhàng theo đúng chế độ quy định, đáp ứng yêu cầu quản lý về mặt tài chính.

Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao, được đào tạo thường xuyên và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữ lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương thức hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời để giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt hiệu quả cao. Mọi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng thành thạo máy tính nên công viêc kế toán đều được thực hiện nhanh chóng, số liệu chính xác.

- *Về hạch toán kế toán*

+ Về chứng từ kế toán:

Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp yêu cầu của kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ chính xác vào chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự tạo điều kiện cho việc tìm kiểm tra đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ.

+ Về sổ sách kế toán:

Kế toán tổng hợp đã mở các sổ sách cần thiết để theo dõi thu chi tiền mặt (TK 111) tiền gửi ngân hàng (TK 112)như: Sổ quỹ tiền mặt, bảng kê, nhật ký chứng từ, sổ cái tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Điều đó được thể hiện trong việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất và kinh doanh.

+ Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của Vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và đã được chi tiết tối đa cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép Ban lãnh đạo nắm bắt

được những số liệu cụ thể và chi tiết của Vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

- *Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:*

+ Hệ thống chứng từ kế toán: việc quản lý chứng từ gốc về các khoản thu, chi đảm bảo đúng nguyên tắc. Các phiếu thu, chi được đóng thành sổ theo từng tháng.
+ Công tác kế toán vốn bằng tiền: việc theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tiến hành đầy đủ và kịp thời. Công ty tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại Ngân hàng. Công tác vốn bằng tiền được quản lý chặt chẽ thông tin kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thu chi tại quỹ. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng theo mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành.

- *Về hình thức kế toán*

Hình thức tổ chức kế toán được sử dụng tại Công ty là hình thức Nhật ký chứng từ là phù hợp với đặc điểm của Công ty. Đây là hình thức tổ chức kế toán phù hợp với những doanh nghiệp quy mô lớn và có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- *Về hệ thống báo cáo kế toán*

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán theo quy định Bộ Tài chính. Hệ thống báo cáo tài chính đươc lập đầy đủ, kịp thời, phản ánh chính xác tình hình thực tế của Công ty.

- *Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:*

Ban lãnh đạo tại Công ty rất chú trọng đến nâng cao công tác kế toán. Phòng kế toán thường xuyên chú trọng công tác đạo tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng người đã tạo nên bộ máy kế toán hoàn chỉnh.

Nhờ vậy mà công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề.

3.1.2. Hạn chế trong công tác kế toán vốn bằng tiền:

Bên cạnh những ưu điểm trên, tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng vẫn còn tồn tại những hạn chế do những yếu tố chủ quan và khách quan nhất định tác động bên trọng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

- *Về hiện đại hóa công tác kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ là hợp lý tuy nhiên khối lượng công việc nhiều vì vậy rất khó khăn trong công tác kế toán. Nếu thực hiện thủ công thì rất mất thời gian và dễ xảy ra sai sót.

- *Về việc luân chuyển chứng từ:*

Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính. Việc luân chuyển từ trong công ty chưa có một quy định cụ thể, không có sổ sách giao nhận nên việc tập hợp số liệu, chứng từ sổ sách còn chậm, dễ gây mất mát dẫn đến việc chậm chễ trong việc ra quyết định đối với nhà quản lý.

- *Về việc kiểm kê quỹ:*

Định kỳ, công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ không làm thường xuyên ảnh hưởng đến việc quản lý tiền mặt của công ty.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng.

3.2.1. Định hướng phát triển Công ty trong thời gian tới:

Năm 2006 nước ta gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và khu vực mậu dịch tự do châu Á (AFTA). Điều này đã tạo ra những cơ hội đồng thời cũng mang lại những thách thức rất lớn cho các doanh nghiệp trong nước.Vì khi đó, Nhà nước ta mở rộng cánh cửa cho hàng hóa của các nước trong khu vực và trên thế giới xâm nhập vào thị trường Việt Nam một cách dễ dàng với mức thuế nhập khẩu tương đối thấp. Do vậy, các sản phẩm được sản xuất ra ở trong nước phải cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm nhập khẩu khẩu từ nước ngoài. Để làm được điều này thì các doanhnghiệp trong nước phải không ngừng nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã và hạ giá thành sản phẩm. Nắm bắt được điều đó nên toàn Công ty phấn đấu đạt:

Lợi nhuận từ 10 tỷ đồng trở lên.

Giữ cho thu nhập bằng hoặc cao hơn năm 2016.

Kế hoạch bán ra giao cho các đơn vị: Trong đơn vị phải phấn đấu vượt mức kế hoạch từ 10% trở lên.

Cụ thể:

Thứ nhất, Công ty phải luôn tìm hiểu thị trường để nắm bắt được thông tin từ phía người tiêu dùng, tìm kiếm các nguồn nguyên liệu có chất lượng cao mà giá thành lại thấp.

Thứ hai, Công ty sẽ đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường để có thể nắm bắt và xử lý các thông tin kinh tế, dự đoán chính xác nhu cầu và diễn biến của thị trường, từ đó tìm kiếm những thị trường tiềm năng mới mà doanh nghiệp chưa khai thác hoặc chưa khai thác triệt để.

Thứ ba, Công ty phải đẩy mạnh hình thức bán buôn kết hợp với các hình thức bán lẻ nhằm tăng nhanh tổng doanh số bán ra từ đó tăng lợi nhuận của công ty. Công ty cần thực hiện đa dạng hóa các hình thức bán hàng cũng như hình thức thanh toán nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Nâng cao năng lực sản xuất đạt mức tăng trưởng bình quân năm trên 10%.

Thứ tư, Công ty phấn đấu đẩy mạnh vòng quay của vốn bằng tiền, tăng tốc độ luân chuyển vốn. Trong những năm qua, do Công ty không sử dụng hết nguồn vốn sẵn có gây nên tình trạng ứ đọng vốn. Do vậy trong những năm tới Công ty phải phấn đấu đẩy mạnh vòng quay của vốn động tránh tình trạng ứ đọng vốn.

Thứ năm, Công ty cần phải phấn đấu tăng thu nhập cho người lao động nhằm khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động an tâm làm việc tại Công ty.

Để đạt được mục tiêu như vậy thì Công ty cần phải nỗ lực hơn nữa nhằm quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả tốt nhất. Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty là thiện mọi mặt, công tác sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu các chi phí, duy trì mở rộng thị trường, có chính sách tín dụng tốt đối với khách hàng, quản lý vốn trong thanh toán, đầu tư đồng bộ cho máy móc thiết bị. Từ đó, sẽ nâng cao công tác kế toán vốn bằng tiền.

3.2.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng.

Là sinh viên thực tập tại Công ty, được sự giúp đỡ của thầy cô và các anh chị nhân viên trong phòng kế toán, em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty.

Ý kiến 1:Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty

Việc trang bị các phương tiện, thiết bị tính toán hiện đại giúp cho việc xử lý số liệu của kế toán trở nên nhanh chóng, tiết kiệm được nhiều công sức. Hiện nay việc tin học hóa công tác kế toán không chỉ giải quyết được vấn đề xử lý thông tin và cung cấp thông tin được nhanh chóng, thuận lợi mà nó còn tăng năng suất lao động của bộ máy kế toán một cách đáng kể, tạo cơ sở để tiến hành đơn giản hóa bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tin học hóa công tác kế toán không chỉ giải quyết được vấn đề xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, thuận lợi nà nó còn làm tăng năng suất lao động của bộ máy kế toán, tạo cơ sở để tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu quả bộ máy kế toán. Công ty nên áp dụng hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty băng việc sử dụng các phần mềm kế toán chuyên dụng cho các tổ chức kế toán hiện nay.

Tuy nhiên, để chọn được một phần mềm kế toán sao cho phù hợp với quy mô và mục đích cũng như nhu cầu hiện tại của Công ty là rất quan trọng. Bởi vậy, trước khi đưa ra lựa chọn phần mềm kế toán nào Công ty nên cân nhắc xem phần mềm đó có phù hợp với doanh nghiệp hay không. Mặt khác, do sản phẩm mềm kế toán là một sản phẩm trừu tượng không thể kiểm định ngay được nên đa số các doanh nghiệp thường lựa chọn thông qua giới thiệu hoặc dựa trên các thương hiệu uy tín của san phẩm trên thị trường.

Hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam có rất nhiều chương trình phầm mềm kế toán khác nhau, mỗi phần mềm đều có những đặc trưng riêng, ưu nhược điểm riêng của mình. Tuy vậy, mỗi phần mềm kế toán đều thực hiện được những chức năng cơ bản sau:

- Tạo ra mô hình kế toán tối ưu cho từng đặc thù công ty, quan điểm quản lý và khả năng tổ chức công tác kế toán của khách hàng.
- Tùy chỉnh danh mục tài khoản, đối tượng, hợp đồng, tự động cới các thông số, tài khoản hạch toán giúp dễ dàng hiệu chỉnh đặc thù, theo quan điểm quản lý cà theo sự thay đổi của chính sách.
- Cho phép chèn tất cả các phần dữ liệu từ excel mà không phải nhập liệu nếu khách hàng đang có nguồn dữ liệu. Thực hiện được với hóa đơn bán hàng, bảng kê phiếu nhập, phiếu kế toán.
- Kết xuất dữ liệu nhanh và giữ nguyên định dạng từ phần mềm ra Excel, PDF, Powerpoint,..
- Truyền nhận một phần hoặc toàn bộ dữ liệu giữa các máy tính cho cùng một đơn vị cơ sở hoặc áp dụng trong trường hợp chuyển cơ sở dữ liệu.
- Chọn và in đồng loạt.
- Đồng bộ lại dữ liệu, sổ kế toán, báo cso sau mỗi thao tác tính giá vốn, tính khấu hao, sửa chứng từ, gộp mã, sửa nội dung và số liệu trên chứng từ kế toán.
- Theo dõi lịch sử chứng từ khi lập, xóa, sửa.

- Kiểm tra và thông báo các thông số cần có trong chứng từ ứng với loại nghiệp vụ tài khoản kế toán.

Mỗi nhà cung cấp đều cố gắng đưa ra những sản phẩm tốt nhất hướng tới những đối tượng riêng. Sau đây là một sô thông tin về các chương trình phầm mềm kế toán hiện hành được dử dụng rộng rãi và nhận được rất nhiều phản hồi tốt từ người sử dụng với các tiện ích tiêu biểu như:giá thành rẻ, có tính năng ổn định, dễ dàng trong việc sử dụng, nâng cấp, cập nhật phần mềm,.. Một số phần mềm kế toán hiệu quả như:

- **Phần mềm kế toán MISA SME.NET:**

Phần mềm kế toán MISA được xem là một trong những phần mềm kế toán đứng trong top 1 trong việc hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các công việc liên quan đến kế toán, tính toán nhằm tối ưu hoạt động kinh doanh, việc thống kê nợ và trị số thặng dư đưa ra những thông số cụ thể nhất về tình hình kinh tế của doanh nghiệp

Phần mềm kế toán *MISA* cung cấp đầy đủ những nghiệp vụ về kế toán và tài chính cho người sử dụng, đáp ứng cho mọi loại hình kinh doanh với nhiều lĩnh vực khác nhau, phần mềm tính toán các chi phí cho doanh nghiệp, doanh thu, thặng dư và lợi nhuận của cả công ty và thống kê chi tiết từng bộ phận, từ đó người quản lý có thể có cái nhìn chi tiết hơn trong công việc kinh doanh của mình.

Các tính năng nổi bật của phần mềm MISA:

- Hỗ trợ doang nghiệp quản lý công tác kế toán: Phần mềm MISA SME.NET gồm 13 phân hệ để quản lý công tác hóa đơn, tiền và tài sản cũng như tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp. Đây là ứng dụng biến công việc tưởng chừng như khó cho các doanh nghiệp trở nên đơn giản hơn nhiều, vừa hiệu quả, vừa tiết kiệm chi phí.
- Quản lý kho hàng: MISA giúp đỡ các doanh nghiệp kiểm soát tất cả các công cụ, dụng cụ có trong kho hàng bao gồm: nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa theo mã quy cách như: số IMEI, số Serial Number, số khung, số máy, số SIM…ghi tăng, điều chuyển, điều chỉnh, phân bổ, ghi giảm Công cụ dụng cụ, đồng thời cung cấp các phương pháp tính giá xuất kho như Nhập trước xuất trước, Giá đích danh, Bình quân cuối kỳ và Bình quân tức thời.
- Quản lý tiền lương và tài sản cố định: MISA SME.NET cho phép kế toán viên quản lý các tài sản cố định của doanh nghiệp như tự động tính khấu hao chi tiết đến từng tài sản, phản ánh chính xác tình hình tăng giảm tài sản. Bên cạnh đó là các phương pháp chấm công và tính lương nhân viên,

thei dõi thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm, các khoản trích nộp, công tác tạm ứng và thanh toán lương, các hình thức trả lương.

- Các phân hệ khác: MISA còn tích hợp các loại phân hệ sau: Phân hệ giá thành và phân hệ thuế nhằm quản lý công tác thanh toán thế cá nhân và doanh nghiệp theo tiêu chuẩn của tổng cục thuế. Phân hệ hợp đồng nhằm theo dõi tiến độ hợp động và doanh thu. Phân hệ cổ đông liên quan đến cổ đông, cổ phiếu và cổ tức. Phân hệ ngân sách quản lý và lập kế hoạch thu chi và phân hệ tổng hợp với mục đích tổng kết lỗ lãi, báo cáo tài chính, khóa sổ theo kỳ hạn.
- Là kế toán thì ngoài phần mềm Misa, chắc chắn bạn phải tới phần mềm HTKK - hỗ trợ kê khai quan mạng đúng không? Phần mềm hỗ trợ kê khai HTKK do bộ tài chính ban hành nhằm giảm các thủ tục hành chính khi đóng thuế của cá nhân hay doanh nghiệp lớn, nhỏ, phần mềm HTKK có giao diện trực quan, dễ dàng sử dụng với bất kỳ ai. Ưu điểm lớn nhất của HTKK là tiết kiệm được thời gian kê khai và quyết toán thuế cho doanh nghiệp lẫn các cơ quan quản lý thuế.

MISA cũng đưa ra nhiều gói sản phẩm khác nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp như:

- Gói Starter: áp dụng cho doanh nghiệp mới thành lập.
- Gói Standard: phù hợp với doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh dưới 200 chứng từ/ tháng hoặc có quy mô nhân sự dưới 50 nhân viên.
- Gói Professional: dành cho doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh khoảng 200 – 500 chứng từ/ tháng hoặc có qui mô nhân sự khoảng 100 nhân viên.
- Gói Business: áp dụng với doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh khoảng 500 – 1500 chứng từ/ tháng hoặc có quy mô nhân sự 200 nhân viên.
- Gói Enterprise: phù hợp với doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh khoảng 1500 chứng từ/ tháng hoặc có quy mô nhân sự 300 – 500 nhân viên.

Ngoài ra, người tiêu dùng ưa chuộng phần mềm MISA còn vì giá cả của sản phẩm khá bình dân. Như là, được miễn phí với gói Starter, gói Standard có giá 3.600.000 đồng/ năm, các gói sản phẩm khác có giá từ 4.800.000 – 9.600.000/năm.

Phần mềm kế toán MISA có những ưu, nhược điểm sau:

Ưu điểm:

- Giao diện: Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.
- Điểm cộng: Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu - mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Một điểm cộng nữa là khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu cực tốt,
- Độ chính xác cao: Có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.
- Khả năng bảo mật: Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp sẽ ít phải đau đầu về vấn đề này như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác.

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA QUÁ YẾU sẽ chạy ì ạch.
- Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

>>>> 2 nhược điểm trên hoàn toàn có thể khắc phục vì cấu hình máy tính nói chung hiện nay đã nâng lên rất nhiều so với ngày MISA mới xuất hiện trên thị trường. Và thực ra cấu hình đề nghị để chạy MISA cũng chỉ ở mức hơn các ứng dụng văn phòng đôi chút.

Báo giá:2.950.000 VND – 12.950.000 VND

MISA SME.NET 2012 R51 Enterprise - Công ty TNHH Dịch vụ BIG
Tệp Danh mục Nghiệp vụ Hệ thống Tiện ích Trợ giúp
Tìm kiếm Báo cáo Báo cáo nhanh Ngày hạch toán
Bàn làm việc
Ngân sách
Lập dự toán thu
Lập dự toán chi
Quỹ
Lập phiếu thu
Lập phiếu chi
Mua hàng
Mua hàng
Mua hàng không qua kho
Bàn làm việc
Quỹ
Ngân hàng
Mua hàng
Bán hàng
Kho
Tài sản cố định
Tiền lương
Thuế
Giá thành
Hợp đồng
Cổ đông
Bàn làm việc
1. Phân tích tài chính
2. Quy trình nghiệp vụ
Hợp đồng
Cổ đông
Ngân sách
Quỹ
Thuế
Ngân hàng
Tổng hợp
Giá thành
Mua hàng
Tiền lương
Bán hàng
TSCĐ
Kho
Khai báo thông tin ban đầu
1. Người ký
2. Tài khoản ngân hàng
3. Khách hàng, nhà cung cấp
4. Phòng ban
5. Nhân viên
6. Vật tư, hàng hoá
7. Công cụ dụng cụ
8. Tài sản cố định
9. ĐT tập hợp CP
10. Tùy chọn chung
11. Nhập số dư ban đầu
Máy chủ: MYPC/MISASME2012
Tên dữ liệu kế toán: KETOAN2013
Người dùng: ADMIN
OVR
CAPS
11:37 AM
12/09/2013

➢ **Phần mềm kế toán FAST:**

FAST có các dòng sản phẩm khác nhau. Các dòng sản phẩm này có thể phân loại theo quy mô và yêu cầu quản trị như sau:

Sản phẩm cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn

Fast Bussiness Online - Phần mềm quản trị toàn diện doanh nghiệp trên nền tảng Web

Fast Business - Phần mềm quản trị toàn diện doanh nghiệp (ERP) cho các doanh nghiệp lớn

Fast Financial - Phần mềm quản trị tài chính kế toán cho các doanh nghiệp vừa và lớn

Fast HRM Online - Phần mềm quản lý nhân sự - chấm công – tính lương

Fast CRM Online - Phần mềm quản trị quan hệ khách hàng

Fast DMS Online- Giải pháp quản lý hệ thống phân phối

Sản phẩm cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

Fast Accounting - Phần mềm kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Fast Accounting Online - Phần mềm kế toán trên nền điện toán đám mây

Sản phẩm dành cho đào tạo sinh viên ở trường học

Fast Accounting Online for Education - Phần mềm kế toán trên nền điện toán đám mây dành cho đào tạo và thực hành môn kế toán máy cho sinh viên trong các trường học.

Ưu, nhược điểm của phần mềm FAST:

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
- Tốc độ xử lý tương đối tốt.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.
- Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
- Dễ dàng truy xuất thông tin.

Nhược điểm:

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.
- Độ bảo mật chưa được ấn tượng.
- Không có các hướng dẫn đính kèm chi tiết.

Báo giá: 5.900.000 VND – 11.900.000 VND

Trợ giúp
Kết thúc
English
Hệ thống
Tổng hợp
Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
Bán hàng
Mua hàng
Tồn kho
Tài sản cố định
Công cụ dụng cụ
Báo cáo chi phí theo khoản mục
Giá thành dự án, công trình
Giá thành sx liên tục
Giá thành sx theo đơn hàng
Báo cáo thuế
BCQT theo các trường tự do
Quản lý hóa đơn
Thuế thu nhập cá nhân
Hợp đồng, đơn hàng
Hóa đơn bán hàng
Phiếu nhập hàng bán, dịch vụ bị trả lại
Hóa đơn giảm giá
Danh mục giá bán
Tính năng hỗ trợ
Phiếu điều chỉnh công nợ
BC bán hàng
BC bán hàng theo tài khoản
BC công nợ khách hàng
BC công nợ hóa đơn
BC hợp đồng, đơn hàng
Khách hàng
NV bán hàng
Thuế suất
Số dư
Số dư công nợ
Tiện ích

➢ **Phần mềm kế toán BRAVO**

Phần mềm kế toán BRAVO có những đặc điểm nổi bật sau:

Thiết kế linh hoạt: Cấu trúc thiết kế 3 lớp nên Phần mềm BRAVO có thể dễ dàng được chỉnh sửa, nâng cấp, mở rộng theo nhu cầu của khách hàng.

Giao diện dễ sử dụng: Giao diện được thiết kế tùy biến theo "layout" và có thể thay đổi linh hoạt để phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân, phòng ban.

Quản lý các danh mục từ điển: Sử dụng sơ đồ cây để quản lý, phân tích và kết nối dữ liệu.

Quản lý đa tiền tệ: Cập nhật phát sinh kế toán đa tiền tệ với nhiều phương pháp tính chênh lệch tỷ giá ghi sổ. Có khả năng quy đổi tất cả các báo cáo sang bất kỳ đồng tiền nào khi người dùng nhập vào tỷ giá quy đổi.

Truy vấn dữ liệu liên quan: Cho phép đứng tại một đối tượng có thể theo dõi toàn bộ các phát sinh liên quan đến đối tượng đó. Ví dụ từ khách hàng xem được các đơn hàng/hợp đồng phát sinh, hóa đơn, công nợ…

Cập nhật chứng từ, quản lý theo trạng thái.

Bảo mật hệ thống: Quản lý truy cập chương trình theo tên và mật khẩu người dùng. Cho phép phân quyền theo nhóm người dùng, theo chức năng xử lý và chi tiết đến từng trường thông tin của chứng từ.

Phần mềm quản trị: Quản trị, luân chuyển, kết nối dữ liệu giữa các cá nhân, phòng ban theo quy trình nghiệp vụ. Có thể cập nhật dữ liệu từ xa thông qua hệ thống mạng Internet.

Báo cáo phần mềm: Xuất các báo cáo theo nhu cầu doanh nghiệp và đúng chuẩn mực tài chính Việt Nam.

Hợp nhất dữ liệu: Áp dụng đối với những công ty tổng, tập đoàn trong việc đồng nhất dữ liệu từ các chi nhánh, đơn vị thành viên để lên báo cáo.

Ứng dụng trên website: Cho phép người sử dụng phần mềm BRAVO xem báo cáo quản trị qua điện thoại, máy tính bảng, máy tính xách tay.

Khả năng liên kết với các thiết bị phần mềm khác: Dự án của phần mềm BRAVO đã kết nối thành công với nhiều hệ thống phần mềm khác, hệ thống các thiết bị ngoại vi, phần mềm chuyên ngành,..

Ưu, nhược điểm của phần mềm kế toán BRAVO:

Ưu điểm:

- Giao diện đẹp, dể sử dụng, dể cài đặt vận hành
- Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tuyệt vời so với MISA

Nhược điểm:

- Mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán chưa cập nhật sát chế độ kế toán (Sổ cái của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ chưa đúng).
- Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi (giống như fast).

Báo giá: 10.000.000 VND – 20.000.000 VND

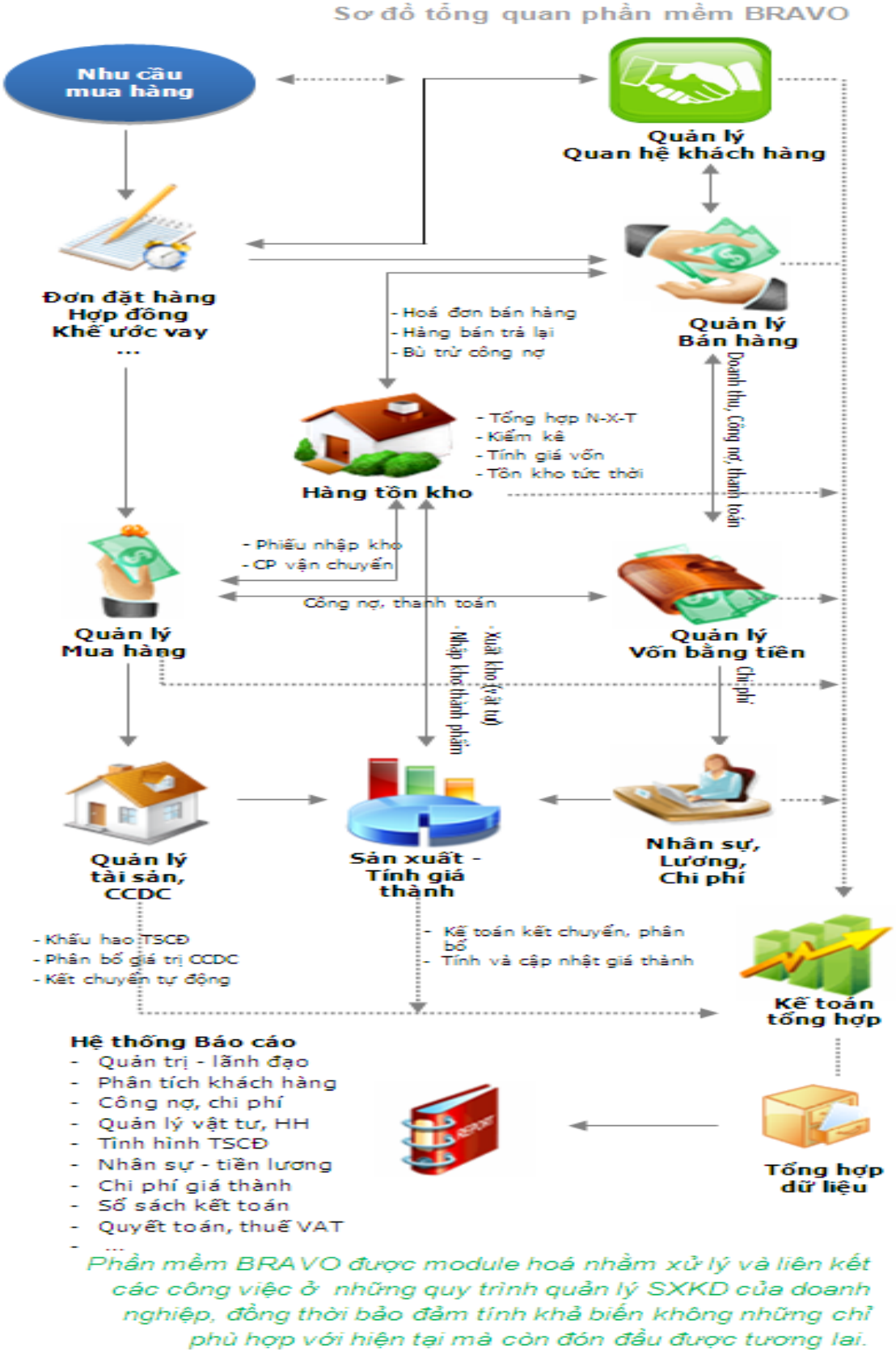

Theo em, Công ty nên sử dụng phần mềm FAST cho công tác kế toan trong thời gian tới để đạt hiệu quả cao trong công việc vì những lý do sau:

+ Phù hợp với quy mô Công ty
+ Có đầy đủ tính năng, gồm 16 phân hệ có tính năng đa tác vụ, tự động hóa xử lý dố liệu, tốc độ lập báo cáo nhanh.
+ Cho phép truy cập và làm việc qua internet với tốc độ rất nhanh, giúp cho người sử dụng có thể làm việc mọi lúc, mọi nơi, tại văn phòng công ty, tại nhà, tại các điểm làm việc ở xa.
+ Dễ dàng nâng cấp lên giải pháp cao hơn mà không phải thay đổi nhà cung cấp.

Ý kiến 2: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Để việc luân chuyển chứng từ được nhanh chóng và tránh mất mát Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ qua các phòng, các bộ phận và bắt buộc có chữ ký của các bên. Đồng thời nâng cao trách nhiệm trong việc bảo quản chứng từ. Sổ giao nhận chứng từ có thể theo mẫu sau:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày…. Đến ngày….

Ngày, tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

Ý kiến 3:.Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ tiền mặt.

Công ty nên sử dụng bảng kiểm kê quỹ trong công tác quản lý, kiểm kê quỹ định kỳ. Việc sử dụng bảng kiểm kê quỹ nhằm giúp xác nhận số tiền tồn quỹ thực tế và số thừa, số thiếu so với quỹ, trên cơ sở đó tăng cường quản lý và làm cơ sở ghi sổ kế toán chênh lệch. Giúp nhà quản lý có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ.

Các nghiệp vụ liên quan đến vốn bằng tiền tại Công ty diễn ra thường xuyên liên tục. Vì vậy việc kiểm kê quỹ đóng vai trò quan trọng để kiểm tra số tiền đã thu, chi và còn tồn quỹ trong kỳ. Do đó việc sủ dụng Bảng kiểm kê quỹ sẽ giúp cho kế toán có thể liệt kê cụ thể các loại tiền còn tồn quỹ, số tiền còn thiếu hay thừa.

Trước khi tiến hành kiểm kê, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính ra số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Khi tiến hành kiểm kê khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây thừa thiếu và phải báo cáo với giám đốc doanh nghiệp xem xét và giải quyết. Bảng kiểm kê quỹ phải được lập thành hai bản : Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Biểu số 3.1:Bảng kiểm kê quỹ

Đơn vị:……. **Mẫu số: 08a - TT**

Địa chỉ:…….. (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT - BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vào ....giờ ...ngày ...tháng ...năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: .....Đại diện kế toán

Ông/Bà: .....Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà: .....Đại diện .....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x	.....
II	Số kiểm kê thực tế	x	.....
1	Trong đó:		
2	- Loại	.....	.....
3	- Loại	.....	.....
4	- Loại	.....	.....
5	- ...	.....	.....
III	Chênh lệch (III = I – II)	x	.....

- Lý do:

+Thừa:.....

+Thiếu:.....

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: …….....

Kế toán trưởng	**Thủ quỹ**	**Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Ý kiến 4: Các biện pháp khác

Công ty phải đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Hiện nay, việc thu hồi vốn của Công ty còn nhiều hạn chế và có những khó khăn làm cho hiệu quả sử dụng vốn lưu động còn thấp. Cần phải có biện pháp đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, hạn chế nợ đọng kéo dài, rà soát lại những hợp đồng và áp dụng các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng như: ứng trước, thế chấp, ký quỹ…

Công ty cần phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, lựa chọn hình thức vay vốn thích hợp để giảm chi phí lãi vay.

Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, duy trì, cung cấp đầy đủ nguồn lựcđể thực hiện chính sách chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Quan tâm công tác đào tạo nguồn nhân lực cho Phòng kế toán đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các nhân viên hiện tại.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của khóa luận tốt nghiệp đề tài: "Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng".

Qua thời gian thực tập, kết hợp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, em nhận thấy công tác kế toán vốn bằng tiền vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao.

Để kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh với giám đốc một cách chặt chẽ, toán vẹn tài sản tiền vốn của công ty ở mọi khâu của quá trình tái sản xuất nhằm cung cấp thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, việc hoàn thiện công tác kế của công ty là một việc tất yếu, nhất là trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gianthực tập tại Công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Cuối cùng, em xin chân thành cám ơn sự hướng dẫn góp ý tận tình của các thầy cô giáo, đặc biệt sự hướng dẫn của cô giáo Nguyễn Thị Mai Linh cùng sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo Công ty, sự chỉ đạo hướng dẫn nhiệt tình của các anh chị trong phòng Kế toán Tài chính Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng đã giúp em trong quá trình thực tập và hoàn thiện bài khóa luận này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.

2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.

3. Công ty TNHH thuốc lá Hải Phòng (2016), *Sổ sách kế toán Công ty***.**

4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.